

ĐỀ 76	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	--

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Giặc Covid đang áp đặt luật chơi cho loài người, và đã thấy rõ con người mới yếu ớt, mỏng manh, nhỏ bé biết bao. Trong cuộc chiến này, nếu muốn lật ngược thế cờ, đẩy giặc virus Covid ra khỏi cơ thể, dập dịch thành công ở mỗi quốc gia, nhân loại, thì con người phải nghĩ đến con người. Cá nhân nghĩ đến mình, những cũng phải nghĩ đến mọi người. Chỉ cần Covid đục thủng phòng tuyến ở một người, và người đó chủ quan, vô tình, tiếp xúc vô tội vạ, không cách ly toàn xã hội, thì đội quân virus sẽ tràn lan cả cộng đồng, cả quốc gia. Chỉ cần Covid xâm nhập vào một quốc gia, nhưng quốc gia ấy và các quốc gia khác không phong tỏa, lơ là phòng chống, thì đại dịch sẽ hoành hành, tàn phá khắp hành tinh.

Mỗi người hãy hòa mình vào dân tộc, nhân loại. Loài người hãy hòa nhập với thiên nhiên. Không phá đi rồi xây. Không hủy diệt rồi nuôi trồng. Không đối đầu. Không đối nghịch. Không đối kháng. Con người phải đặt trong môi trường sinh thái của thiên nhiên, chung sống hòa bình với vạn vật. Một con voi, con hổ, hay con sâu cái kiến, một loài côn trùng, một loại vi khuẩn, một chủng virus nào đó cũng có vị thế trong vũ trụ của Tạo hóa. Con người chớ ngạo mạn đến mức khùng điên làm chúa tể của muôn loài không chế, thống trị chúng sinh, mà không biết sống hòa nhập hòa bình trong sinh thái cân bằng.

Nhận thức lại về thiên nhiên và giống loài trên trái đất để ứng xử là một điều cần thiết. Hy vọng nhân loại sẽ đi qua đại dịch Covid 19. Sau bão giông, trời lại sáng. Những cánh rừng lại xanh. Ngựa, dê, hổ báo nô đùa với con người. Chim chóc đậu nơi cửa sổ nghiêng ngó đầu nhìn đôi vợ chồng trẻ sau một đêm nồng nàn đang ngủ nướng. Nắng mới tràn mọi ngõ ngách! Cuộc sống thường nhật an lành sẽ lại về trong hạnh phúc bình dị.

(<https://vietnamnet.vn> - “Loài người có bớt ngạo mạn?” (trích) - Sương Nguyệt Minh)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2: Theo tác giả “Loài người hãy hòa nhập với thiên nhiên” bằng những cách nào?

Câu 3: Anh/ chị hiểu như thế nào về câu: *Chỉ cần Covid đục thủng phòng tuyến ở một người, và người đó chủ quan, vô tình, tiếp xúc vô tội vạ, không cách ly toàn xã hội, thì đội quân virus sẽ tràn lan cả cộng đồng, cả quốc gia?*

Câu 4: Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: *Giặc Covid đang áp đặt luật chơi cho loài người, và đã thấy rõ con người mới yếu ớt, mỏng manh, nhỏ bé biết bao? Vì sao?*

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề: Hậu quả của việc gây mất cân bằng hệ sinh thái của con người?

Câu 2 (5,0 điểm): Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

*“Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước

Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được

Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức”*

(trích “Sóng” – Xuân Quỳnh, SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục 2019)

HƯỚNG DẪN GIẢI

Nội dung	Điểm
I. ĐỌC, HIỂU	3,0
Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên: Phương thức nghị luận/ phương thức biểu đạt nghị luận/nghị luận.	0,50
Câu 2: Theo tác giả “ <i>Loài người hãy hòa nhập với thiên nhiên</i> ” bằng những cách sau: - Không phá đi rồi xây. - Không hủy diệt rồi nuôi trồng. - Không đối đầu. - Không đối nghịch.	0,50

- Không đối kháng. - Con người phải đặt trong môi trường sinh thái của thiên nhiên, chung sống hòa bình với vạn vật.	
Mức điểm: Dựa vào văn bản, thí sinh tìm ra nội dung câu hỏi yêu cầu.	
- Thí sinh nêu ra đầy đủ, rõ ràng, chuẩn xác bốn cách trở lên.	0,50
- Thí sinh nêu ra dưới bốn cách.	0,25
- Thí sinh nêu ra dưới hai cách	0,15
- Thí sinh không làm được gì, làm sai.	0,00
Câu 3: Thí sinh trình bày sự hiểu của bản thân về câu: <i>Chỉ cần Covid đục thủng phòng tuyến ở một người, và người đó chủ quan, vô tình, tiếp xúc vô tội vạ, không cách ly toàn xã hội, thì đội quân virus sẽ tràn lan cả cộng đồng, cả quốc gia.</i> - Sự lây lan Covid 19 từ người sang người xảy ra liên tục. Nó là chủng mới hoàn toàn chưa được xác định trước đó. Khi xâm nhập vào cơ thể người sẽ gây ra hội chứng viêm đường hô hấp cấp, dẫn đến suy hô hấp, thậm chí tử vong. Chủng mới virus corona COVID-19 rất dễ lây truyền qua nhiều con đường... <i>Đặc biệt, những người không có triệu chứng vẫn có thể lan truyền virus COVID-19.</i> Nó có thể lây nhiễm ngay khi các triệu chứng vẫn còn nhẹ, thậm chí những người không có triệu chứng (không có dấu hiệu bị bệnh). Có nghĩa là những người này có thể truyền virus trước khi phát bệnh mà không phát hiện được. - Vì thế, <i>chỉ cần Covid đục thủng phòng tuyến ở một người, và người đó chủ quan, vô tình, tiếp xúc vô tội vạ, không cách ly toàn xã hội, thì đội quân virus sẽ tràn lan cả cộng đồng, cả quốc gia.</i> Số ca nhiễm COVID-19 trên thế giới cứ liên tục tăng, một “sự lây lan chưa từng thấy” mà chúng ta kinh hoàng chứng kiến trong thời gian qua ở một số nước là do con người chủ quan, do ngay từ đầu không thực hiện việc cách ly toàn xã hội. - Do đó, phương pháp “cách ly toàn xã hội” trong những thời điểm quan trọng là biện pháp hữu hiệu nhất để phòng chống virus Covid 19. Ý thức, trách nhiệm của mỗi người với bản thân và cộng đồng chính là thực hiện tốt lệnh giới nghiêm này.	1,00
Mức điểm:	
- Thí sinh trình bày đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi câu sai, dùng từ.	1,00

- Thí sinh trình bày đầy đủ, có vài chỗ còn lủng củng, không mắc lỗi câu sai.	0,75
- Thí sinh trình bày khá đầy đủ, có mắc sai sót nhỏ trong trình bày.	0,50
- Thí sinh trình bày quá sơ sài, qua loa.	0,25
- Thí sinh không làm được gì, làm sai.	0,00
Câu 4: Thí sinh tự do nêu quan điểm, lí giải hợp lí, thuyết phục, làm rõ vấn đề, có thể nêu theo 3 hướng: - Đồng tình và giải thích được vì sao đồng tình. - Không đồng tình và giải thích được vì sao không đồng tình. - Vừa đồng tình, vừa không đồng tình và giải thích được lí do. Đa số HS sẽ theo hướng đồng tình:	1,00
Gợi ý: - Chẳng hạn khẳng định: Tôi (em) đồng tình với quan điểm của tác giả: <i>Giặc Covid đang áp đặt luật chơi cho loài người, và đã thấy rõ con người mới yếu ớt, mỏng manh, nhỏ bé biết bao.</i> - Vì: Trên thực tế... + “Giặc Covid” rất dễ lây truyền từ người sang người bằng nhiều con đường. Virus này đang áp dụng luật chơi cho loài người: Nó chỉ cần chọc thủng “phòng tuyến ở một người”, mà người đó lại chủ quan, tiếp xúc với người khác, thì như phản ứng “dây truyền”, nó nhanh chóng tràn lan cả cộng đồng, hủy diệt con người, tàn phá mọi thành tựu con người gây dựng nên. + Trên thế giới có hàng triệu người bị nhiễm virus corona, hàng trăm nghìn người chết vì dịch bệnh này. Ngay ở các cường quốc lớn trên thế giới có nền y học hiện đại, phát triển, cũng bị giặc Covid 19 hành hoành, gây cảnh chết chóc, đau thương, bị thiệt hại nặng nề trên mọi lĩnh vực... Thế giới đã và đang điêu đứng vì đại dịch này. + Cuộc chiến chống lại “giặc Covid ” vô cùng nan giải, đòi hỏi con người phải đoàn kết lại, cùng chung tay đẩy lùi đại dịch.	
Mức điểm: - Thí sinh trình bày đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi câu sai, dùng từ.	1,00

- Thí sinh trình bày đầy đủ, có vài chỗ còn lủng củng, không mắc lỗi câu sai, dùng từ.	0,75
- Thí sinh trình bày khá đầy đủ, có mắc sai sót nhỏ trong trình bày.	0,50
- Thí sinh trình bày còn sơ sài, qua loa.	0,25
- Thí sinh không làm được gì, làm sai.	0,00
II. LÀM VĂN	7,00
Câu 1:	2,00
a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ; học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân- hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề đời sống con người: Hậu quả của việc gây mất cân bằng hệ sinh thái của con người.	0,25
c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ suy nghĩ về: Hậu quả của việc gây mất cân bằng hệ sinh thái của con người. Có thể triển khai theo hướng sau:	1,00
* Giới thiệu, giải thích vấn đề: - Cân bằng sinh thái là trạng thái ổn định tự nhiên của hệ sinh thái, hướng tới sự thích nghi cao nhất với điều kiện sống. - Mất cân bằng hệ sinh thái là trạng thái không ổn định tự nhiên của hệ sinh thái, phá vỡ sự cân bằng của hệ sinh thái, làm gia tăng, giảm, thậm chí tuyệt chủng của các thành phần trong hệ. - Việc con người gây ra làm hệ sinh thái mất cân bằng dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.	0,25
* Bàn luận: Hậu quả của việc gây mất cân bằng hệ sinh thái của con người (phần thân đoạn ít nhất phải có một dẫn chứng phù hợp)	0,50
- Trước hết cần thấy những nguyên nhân gây mất cân bằng hệ sinh thái chính là do con người. + Do hoạt động công nghiệp xả thải các chất độc hại vào môi trường đất, nước, không khí. Hiện nay, hậu quả lớn nhất là gây biến đổi khí hậu. + Rác thải, nước thải sinh hoạt của con người.	

+ Hoạt động khai thác quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên như rừng, nguồn lợi sinh vật, khoáng sản,Chính con người đã thay đổi và cải tạo quá mức các hệ sinh thái tự nhiên. Con người đốt rẫy làm nương, đốn cây cổ thụ, phá rừng làm cho không biết bao nhiêu đồi núi trọc lốc. Cải tạo đầm lầy thành đất canh tác. Con người bạc đãi thiên nhiên, coi thường vạn vật, săn bắt đủ mọi động vật hoang dã có lợi cho đời sống con người.

- Hậu quả:

+ Mất đa dạng sinh thái nghiêm trọng. Những hoạt động của con người đang phá hủy các vùng sinh thái phong phú như: rừng nhiệt đới, vùng đất ngập nước, các rạn san hô, các cánh đồng cỏ, và có nguy cơ biến hành tinh của chúng ta thành một nơi cằn cỗi. Điều này sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đối với chính con người. (Tư liệu tham khảo: Theo thống kê của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc, trong 100 năm qua, hơn 90% các giống cây trồng đã biến mất khỏi các cánh đồng, trang trại. Một nửa số giống vật nuôi đã bị biến mất. Hiện nay, tại tất cả các ngư trường chính trên thế giới, các loài thủy sản đang bị đánh bắt ở mức tới hạn và nhiều loài không đảm bảo sự phát triển bền vững. Hay dễ nhìn thấy trên các cánh đồng, nương rẫy, chuột thường xuyên bị rắn, chó sói, cáo, chim ưng, cú mèo... săn bắt. Bình thường số lượng chim, trăn, thú, chuột cân bằng với nhau. Khi con người tìm bắt rắn và chim thì chuột mất kẻ thù, thế là chúng được dịp sinh sôi nảy nở, tha hồ tàn phá đồng ruộng.)

+ Đặc biệt, khi hệ sinh thái bị suy thoái sẽ ảnh hưởng đến an ninh, lương thực làm cho con người phải đối mặt với nguy cơ đói nghèo, suy giảm nguồn gen và đặc biệt là biến đổi khí hậu dẫn đến hàng loạt các thảm họa thiên nhiên như bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh đe dọa cuộc sống. (Có thể: liên hệ với dịch bệnh Covid 19 lây lan bắt nguồn từ một nhóm người mắc viêm phổi không rõ nguyên nhân, giới chức y tế địa phương xác nhận trước đó nhóm người này đã có tiếp xúc, chủ yếu là với những thương nhân buôn bán và làm việc tại chợ bán buôn hải sản Hoa Nam, nơi được cho là địa điểm bùng phát dịch bệnh đầu tiên; con người phải đối phó với hàng loạt dịch bệnh; liên hệ với sự thay đổi thất thường của thời tiết, ...).

* Rút ra bài học nhận thức và hành động - Con người là một sinh vật của hệ sinh thái. Chính con người là thủ phạm gây mất cân bằng hệ sinh thái nghiêm trọng, và cũng chính con người đang phải hứng chịu hậu quả do mình gây ra. - Vì vậy, mỗi người cần phải thấy tầm quan trọng của cân bằng hệ sinh thái, cần phải có trách nhiệm đảm bảo đa dạng sinh học, cần sống thân thiện, hòa hợp, thuận theo tự nhiên. Và đặc biệt cần phải có các biện pháp hạn chế tác động tiêu cực của con người lên hệ sinh thái từ việc trước mắt đến lâu dài như không được khai thác quá mức các loại tài nguyên, không săn bắt, ăn thịt động vật hoang dã. - Tìm cách khôi phục bảo vệ các hệ sinh thái, nguồn tài nguyên rừng, sự đa dạng loài và đa dạng di truyền để bảo tồn đa dạng sinh học, ngăn chặn sự diệt vong của các loài quý hiếm là một việc làm cấp bách. Hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học cần được thực hiện thường xuyên, có định hướng cụ thể, để đảm bảo sự cân bằng giữa nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhu cầu của cộng đồng chung về một môi trường sống lành mạnh.	0,25
d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
e. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
Câu 2:	5,00
a. <i>Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận: Mở bài</i> giới thiệu được vấn đề cần nghị luận, <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề nghị luận, <i>Kết bài</i> khái quát được vấn đề.	0,25
b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Cảm nhận khổ thơ thứ 5 của bài thơ “Sóng”- Xuân Quỳnh	0,25
c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cơ bản đảm bảo các nội dung sau:	3,75
1. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận - Xuân Quỳnh được xem là một trong số những thi sĩ viết thơ tình hay nhất trong nền thơ Việt Nam hiện đại. Tình yêu trong thơ Xuân Quỳnh vừa nồng nhiệt, táo bạo, vừa thiết tha, say đắm, dịu dàng, hồn nhiên giàu trực cảm mà lắng sâu những trải nghiệm suy tư, mãnh liệt khao khát hạnh phúc đời thường, bình dị... - “Sóng” là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ Xuân Quỳnh. Bài thơ là tiếng lòng thiết tha của người phụ nữ trước cuộc đời được sống, được yêu	0,50

đúng nghĩa, chân thành, tha thiết, nồng nàn, nhớ nhung mãnh liệt, đầy khát vọng và sắt son chung thủy. Những vẻ đẹp trên của tâm hồn người con gái đang yêu được thể hiện rõ nét ở khổ sau (trích dẫn đoạn thơ).	
2. Cảm nhận đoạn thơ	2,75
* Khái quát chung trước khi cảm nhận cụ thể đoạn thơ: - Thật vậy, tiếng lòng của nhân vật trữ tình trong “Sóng” cũng là tiếng lòng của biết bao người con gái luôn da diết trong tình yêu và khát vọng hạnh phúc đời thường. Bài thơ được sáng tác vào năm 1967 trong chuyến đi vùng biển Diêm Điền (Thái Bình). Đây là một trong những vần thơ xuất sắc nhất viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh được in trong tập “Hoa dọc chiến hào”. - Bài thơ có hai hình tượng “sóng” và “em”. Hai hình tượng này lúc phân tách, soi chiếu vào nhau, lúc nhập hòa làm một trong một cái tôi trữ tình duy nhất là Xuân Quỳnh. Vì thế có thể nói rằng hai hình tượng này tuy hai mà một, tuy một mà hai. Nhìn chung bài thơ được tổ chức theo lối kết cấu vừa song hành vừa trùng phức. Song hành để thấu tỏ, trùng phức để khẳng định những khát khao cháy bỏng trong tâm hồn người phụ nữ đang yêu. - Đoạn thơ gồm 5 dòng thơ cũng chính là khổ thứ 5 của bài thơ “Sóng”. Bao trùm đoạn thơ là những nét tương đồng của “sóng” và “em”: luôn trăn trở, nhớ nhung. Đây là một khổ thơ vô cùng đặc biệt bởi trong bài thơ chỉ duy nó có sáu câu. Trong quá trình biểu hiện gương mặt tình yêu, Xuân Quỳnh đã dành trọn vẹn khổ thơ đặc biệt này để dãi bày nỗi nhớ- một cảm xúc đặc trưng của tình yêu.	0,25
* Cảm nhận chi tiết đoạn thơ:	2,50
- Bốn câu đầu: Nỗi nhớ bao trùm không gian, thời gian. + Trước hết “sóng” hiện lên với nỗi nhớ bờ da diết. <i>Con sóng dưới lòng sâu</i> <i>Con sóng trên mặt nước</i> <i>Ôi con sóng nhớ bờ</i> <i>Ngày đêm không ngủ được</i> -> Xuân Quỳnh với cách sử dụng điệp cấu trúc, điệp từ “con sóng” và cách sử dụng tương quan đối lập (“dưới lòng sâu” đối lập với “trên mặt nước”) đã miêu tả con sóng ở không gian khác nhau nhưng cùng mang một nỗi “nhớ bờ” da diết, mãnh liệt. Nỗi nhớ ấy không chỉ hiện hữu trên mặt nước mà còn ở chiều sâu từng mét nước. Và nỗi nhớ còn chạy dài xuyên thời gian (“Ôi con sóng nhớ bờ- Ngày đêm không ngủ được”). Dường như con sóng mang nỗi nhớ dâng trào trong suốt hành trình của mình, thấm đẫm từ ngọn sóng tới chân sóng.	1,5

-> Hình ảnh “sóng” lặp lại ba lần như một điệp khúc của một bản tình ca với những giai điệu da diết, cồn cào, thường trực về tình yêu và nỗi nhớ. + “Sóng” là ẩn dụ nghệ thuật về những đợt “sóng lòng” đang trào dâng cho tâm hồn người con gái đang yêu. Mượn hình tượng “sóng”, người phụ nữ đang yêu trong bài thơ đang tự cảm nhận và chân thành bộc bạch trạng thái tâm lí, tình cảm của một tâm hồn yêu đương, nhớ nhung mãnh liệt. Đúng là một nỗi nhớ cồn cào, da diết, không thể nào yên, không thể nào nguôi, nó cuộn cuộn dạt dào mọi lúc, mọi nơi như những con sóng biển triền miên, vô hồi, vô hạn. + Dùng ngoại cảnh để thổ lộ nỗi nhớ của Xuân Quỳnh cũng là một biện pháp nghệ thuật quen thuộc trong thơ ca. Ca dao dân ca từng có những câu “Đêm qua ra đứng bờ ao- Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ- Buồn trông con nhện giăng tơ- Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai? Buồn trông chênh chếch sao Mai- Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ?”; hay “Khăn thương nhớ ai- Khăn rơi xuống đất- Khăn thương nhớ ai- Khăn chùi nước mắt...”. => Cách thể hiện nỗi nhớ của Xuân Quỳnh ở bốn câu đầu mang tính truyền thống, thể hiện được vẻ đẹp tình tứ, ý nhị, kín đáo mà mãnh liệt trong tình yêu của người phụ nữ.	
- Hai câu sau: Người phụ nữ đang yêu bày tỏ nỗi nhớ trực tiếp. + Mượn hình tượng con sóng nhớ bờ “Ngày đêm không ngủ được” để diễn tả nỗi nhớ da diết, mạnh mẽ của người phụ nữ khi yêu với Xuân Quỳnh dường như là chưa đủ. Sang hai câu cuối, nhà thơ cần phải nhấn mạnh một lần nữa qua một phát biểu trực tiếp. Cách biểu hiện nỗi nhớ rất hiện đại. Nỗi nhớ da diết mãnh liệt, đi cùng với niềm trăn trở thường trực: <i>Lòng em nhớ đến anh</i> <i>Cả trong mơ còn thức</i> + Đến đây ta thấy, nhân vật trữ tình “em” vừa soi mình vào “sóng” vừa tự tách ra để cảm nhận hết và cũng để thổ lộ hết những cung bậc tình cảm, cảm xúc tình yêu của mình. Sóng thức trong lòng biển đã cồn cào, sóng thức trong lòng em còn muôn vạn lần cồn cào hơn. Sóng chỉ nhớ bờ trong cõi này “Ngày đêm không ngủ được”. Người phụ nữ khi yêu luôn toàn tâm, toàn ý, toàn hồn. Cho nên ngay đến “Cả trong mơ còn thức”. “Thức” ở đây không phải là thức ngủ mà là sự thao thức của tâm hồn, sự thồn thức của trái tim yêu đương mãnh liệt. Câu thơ cũng tựa như một “con sóng tình” đi xuyên qua cả hai cõi thực và mơ. Giới hạn của sóng biển là cõi thực. Còn “sóng tình”, nỗi nhớ của người phụ nữ khi yêu thì đã trộn cả thực và mơ. Và nếu còn một cõi nào khác nữa thì người phụ nữ ấy cũng sẽ dành chọn cho tình yêu. Cả cuộc đời là nỗi trăn trở lớn! Đã không ngủ trong cõi thực lại thao thức cả trong cõi mộng để nâng niu, chắt chiu từng khoảng khắc hạnh phúc. Ngỡ như chỉ cần chớp mắt trong giây lát thế là một khoảng khắc đã trôi qua uổng phí, không kịp tận hưởng. Chẳng phải khi yêu, người ta cũng thường pháp phởng, lo âu vì nỗi sợ mất nhau? Cơ hồ chỉ cần chớp mắt một chút thôi, thì e rằng, vì một lý do nào đó, người mình yêu bỗng nhiên tan biến. Cái hạnh phúc mình đang cầm nắm sẽ tuột khỏi lòng tay! “Cả trong mơ còn thức”, lời thơ thật phi lý mà khát khao giao cảm nhớ nhung bất tận thật cảm động. Lời thơ gieo vào	1,0

lòng ta về một nỗi nhớ trọn vẹn cả trong ý thức lẫn tiềm thức. Sự thao thức nhớ thương của người phụ nữ đang yêu trong khổ thơ vừa riêng tư vừa mang tính tất yếu của tình yêu chân chính muôn đời.	
3. Nhận xét, đánh giá khái quát: - Nghệ thuật: + Cảm nhận khổ thơ này của bài “Sóng”, ta thấy hai hình tượng “sóng” và “em” vừa tương đồng vừa bổ sung soi chiếu vào nhau để làm rõ tình cảm nhớ nhung, khát vọng của nhân vật trữ tình. Sóng hiển hiện không chỉ bởi hình ảnh mà còn hiển hiện qua âm điệu. Âm điệu của bài thơ nói chung, đoạn thơ nói riêng là âm điệu của những con sóng trên biển cả, là nhịp của những con sóng lòng trong trái tim thi sĩ. Âm điệu đó được tạo nên bởi hai yếu tố chính: thể thơ năm chữ và cách tổ chức ngôn từ, hình ảnh thể hiện tâm trạng bùng cháy ngọn lửa mãnh liệt của người con gái trong tình yêu. Giọng điệu ấy cũng chính là giọng điệu tâm hồn của thi nhân. Giọng thơ tha thiết, hình ảnh, từ ngữ giàu sức liên tưởng, cùng với nghệ thuật xây dựng hình tượng ẩn dụ đích đáng “sóng” đã làm nên sức hấp dẫn riêng của đoạn thơ, bài thơ. + Bên cạnh đó, trong sự thể hiện nỗi nhớ Xuân Quỳnh đã sử dụng thành công biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, điệp, đối kết hợp với từ ngữ giản dị mà tinh tế, gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ đi từ quy luật của tự nhiên để khẳng định quy luật của tâm hồn: sóng dưới lòng sâu là sóng ngầm, sóng trên mặt nước là con sóng đã tự bộc lộ mình trọn vẹn; song dù tồn tại ở dạng nào thì sóng vẫn luôn nhớ bờ cũng như “em” dù trong biểu hiện bên ngoài hay ẩn kín tâm tư vẫn luôn nhớ, luôn hướng về anh. Và hơn thế nữa, cách thể hiện nỗi nhớ qua ẩn dụ “sóng” ở bốn câu đầu và thổ lộ trực tiếp ở hai câu sau đã chứng tỏ cái sâu sắc, mãnh liệt của nỗi nhớ cũng chính là độ sâu sắc, mãnh liệt của tình yêu.	0,50 0,25
- Qua hình tượng sóng và trên cơ sở khám phá sự tương đồng giữa “sóng” và “em”, lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, một nhà thơ nữ đã lấy sóng để bộc lộ chân thành, mạnh mẽ mà đầy nữ tính về trạng thái, tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu. Đó là một trái tim yêu thiết tha, nồng nàn, luôn trăn trở, nhớ thương. Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu và nỗi nhớ ở đây vừa truyền thống vừa hiện đại.	0,25
<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp	0.25
<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.50

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4

“Trong cuộc đời, mỗi khi gặp bất trắc hoặc thất bại trong đời sống, con người thường phiền muộn, hoang mang. Những lúc ấy, những người có nghị lực thường động viên nhau : - đừng mất niềm tin! Không được đánh mất niềm tin vì niềm tin đi liền với hi vọng mà mất hi vọng quả thật là mất tất cả! Nhưng vấn đề không chỉ dừng lại ở mức độ không được đánh mất niềm tin mà là không được đánh mất niềm tin vào điều thiện. Xung quanh và trước mắt ta, không phải bao giờ lẽ phải và điều thiện cũng được khẳng định và luôn chiến thắng trong cuộc đối mặt với điều sai trái và cái ác nhưng không vì thế mà ta run sợ trước cái xấu, cái ác và quay lưng với điều thiện. Xét trong thế cuối cùng, điều thiện bao giờ cũng chiến thắng, lẽ phải được bảo vệ.”.

(Trích **Hướng thiện**, Triệu Phong)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra phép liên kết nối câu 2 với câu 1 của đoạn. (0,5 điểm)

Câu 3. Anh/chị có đồng tình với sự khẳng định “*Xét trong thế cuối cùng, điều thiện bao giờ cũng chiến thắng, lẽ phải được bảo vệ.*”? (1,0 điểm)

Câu 4. Thông điệp anh/chị nhận được từ đoạn trích là gì? (1,0 điểm)

II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về quan niệm được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “*Xung quanh và trước mắt ta, không phải bao giờ lẽ phải và điều thiện cũng được khẳng định và luôn chiến thắng trong cuộc đối mặt với điều sai trái và cái ác nhưng không vì thế mà ta run sợ trước cái xấu và cái ác và quay lưng với điều thiện.*”

Câu 2 (5.0 điểm) Phân tích vẻ đẹp nhân cách của nhân vật Trương Ba thể hiện qua đoạn đối thoại với nhân vật Đế Thích và đoạn kết của vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* – Lưu Quang Vũ (Sách **Ngữ văn 12 tập hai**, trang 142, NXB GD 2009).

Từ đó anh/chị hãy nhận xét về chiều sâu triết lí được tác giả gửi gắm qua đoạn trích.

HƯỚNG DẪN CHẤM

- Thầy cô cần quan sát bài làm của học sinh để đánh giá một cách tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.
- Điểm thành phần tính đến 0,25. Điểm tổng toàn bài làm tròn theo quy định.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phương thức nghị luận.	0.5
	2	Phép thế (đại từ).	0.5
	3	Đồng tình. Giải thích: Điều sai trái và cái ác luôn tồn tại bên cạnh cái thiện và điều phải. Sự xung đột và cuộc đấu tranh giữa hai phía thiện, ác là điều tất yếu trong mọi xã hội. Ở xã hội ta, cái thiện và điều phải luôn được bảo vệ, đề cao.	1.0
	4	Thông điệp nhận được: <i>Xét trong thế cuối cùng, điều thiện bao giờ cũng chiến thắng, lẽ phải được bảo vệ.</i>	1.0
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Trình bày suy nghĩ về quan niệm “ <i>Xung quanh và trước mắt ta, không phải bao giờ lẽ phải và điều thiện cũng được khẳng định và luôn chiến thắng trong cuộc đối mặt với điều sai trái và cái ác nhưng không vì thế mà ta run sợ trước cái xấu và cái ác và quay lưng với điều thiện.</i> ”	2.0
		<i>a. Đảm bảo thể thức của đoạn văn</i>	0.25

		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Không run sợ trước cái xấu và cái ác và không quay lưng với điều thiện.	0.25
		<i>. c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Đoạn văn cần thể hiện rõ chính kiến, chặt chẽ, lưu loát.	1.0
		<i>d. Sáng tạo:</i> Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, diễn đạt sáng tạo, phù hợp với những chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	0.25
		<i>e. Chính tả, dùng từ đặt câu:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.25
	2	Phân tích vẻ đẹp nhân cách của nhân vật Trương Ba thể hiện qua đoạn đối thoại với nhân vật Đế Thích và đoạn kết của vở kịch <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i>	5.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:</i> Mở bài nêu được vấn đề nghị luận. Thân bài triển khai các luận điểm để giải quyết vấn đề. Kết bài đánh giá, kết luận được vấn đề.	0.5
		<i>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> vẻ đẹp nhân cách của nhân vật Trương Ba thể hiện qua đoạn đối thoại với nhân vật Đế Thích và đoạn kết của tác phẩm để từ đó nhận xét về chiều sâu triết lí được tác giả gửi gắm qua đoạn trích.	0.5
		<i>c. Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, so sánh); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.</i>	

		– Có thể trình bày theo định hướng sau: 1. Giới thiệu khái quát về tác giả Lưu Quang Vũ và vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt. 2. Phân tích cuộc đối thoại giữa Trương Ba với Đế Thích và đoạn kết của vở kịch a. Nội dung: * Hoàn cảnh dẫn đến màn đối thoại và đoạn kết: – Trương Ba là một người hiền lành, lương thiện, tốt bụng nhưng bị chết oan vì sự tắc trách của quan nhà trời. Đế Thích, một vị tiên cò vì yêu quý mến mộ tài nghệ của Trương Ba nên đã giúp ông sống lại trong thể xác của anh hàng thịt. Mọi việc rắc rối bắt đầu xảy ra kể từ khi hồn Trương Ba cư ngụ trong thể xác phàm tục ấy. Ý thức được tình trạng “<i>vênh lệch</i>” của mình, Trương Ba quyết định gọi Đế Thích để giải quyết bi kịch mà mình đang gặp phải. * Phân tích màn đối thoại giữa hồn Trương Ba với Đế Thích và màn kết: – Màn đối thoại với Đế Thích: + Trương Ba hiểu thấu ý nghĩa của sự sống đích thực, luôn khát khao sống đúng với bản thân, không muốn sống nhờ, sống gửi: . Không chấp nhận cảnh sống “<i>bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo</i>”. . Muốn được sống theo đúng bản chất của mình “<i>Tôi muốn được là tôi toàn vẹn</i>”. . Thẳng thắn chỉ ra những sai lầm của Đế Thích “<i>Sống nhờ vào đồ đạc....cần biết</i>”. + Nhân hậu, vị tha, giàu lòng tự trọng: . Cái chết của cụ Tị mở ra một lối thoát cho bao nhiêu sự bế tắc nhưng Trương Ba nhận ra sẽ có “<i>bao sự rắc rối</i>” đang chờ.	0,5 1,5
--	--	--	-----------------------

	. Hình dung ra tương lai “bơ vơ lạc lõng, hoặc sẽ trở nên thảm hại đáng ghét” nếu chấp nhận lời đề nghị của Đế Thích. . Cuối cùng, ông đã từ chối quyền được tái sinh lần nữa để nhường quyền sống cho cu Tị. Theo Trương Ba, sự sống chỉ có ý nghĩa khi chấm dứt tình trạng giả tạo, con người phải sống đúng với mình, có được sự hoà hợp toàn vẹn giữa linh hồn và thể xác. – <i>Màn kết của vở kịch:</i> + Khung cảnh hạnh phúc sum vầy ấm áp: “<i>cu Tị đang ôm chầm lấy mẹ, chị Lua cuống quýt vuốt ve con</i>”, hai đứa trẻ ăn chung trái na. + Hồn Trương Ba trở về trong những không gian quen thuộc (khu vườn, cầu ao, cơi trầu,..). Khi Trương Ba không còn chịu cảnh “<i>bên trong một đấng, bên ngoài một nẻo</i>” nữa lại là lúc ông được sống trong sự gần gũi, tình thương yêu của người thân. + Cái Gái gieo hạt na xuống và nói: “<i>cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi..</i>” à Những hành động và lời nói tốt đẹp của Trương Ba sẽ có tác dụng giáo dục lâu dài cho những thế hệ mai sau và những điều tốt lành sẽ được tiếp nối, phát huy như một giá trị vĩnh hằng của đời sống. b. Nghệ thuật: – Màn kịch thể hiện sự xung đột quyết liệt, căng thẳng giữa Trương Ba và Đế Thích do sự bất đồng về quan điểm sống, nhân vật cần đưa ra sự lựa chọn. – Thể hiện đầy đủ những đặc trưng thể loại kịch: mâu thuẫn phát triển từ “đỉnh điểm” đi đến “mở nút”; ngôn ngữ sinh động; giọng điệu biến hoá; lời thoại vừa hướng nội vừa hướng ngoại,...	
--	---	--

		c. Đánh giá: – Qua hai đoạn đối thoại của nhân vật trong đoạn trích, nhà văn đã chuyển tải nhiều thông điệp nhân sinh quan trọng: + Cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi con người không phải sống nhờ, sống gửi, sống chấp vạ. + Đề cao ca ngợi sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp, tạo niềm lạc quan tin tưởng vào những điều tốt đẹp vẫn hiện hữu trong cuộc đời. – Dựa vào cốt truyện dân gian, tác giả đã sáng tạo nên một nhân vật với hành động phù hợp với hoàn cảnh, tích cách, thể hiện sự phát triển của tình huống kịch; ngôn ngữ nhân vật sinh động, giọng điệu biến hoá,...; góp phần tạo nên không khí ấm áp, toát lên niềm vui của sự đoàn tụ, tiếp nối, đem lại âm hưởng thanh thoát, lạc quan cho vở kịch. 3. Chiều sâu triết lí được gửi gắm qua đoạn trích: – Con người muốn có cuộc sống hạnh phúc cần phải có sự hài hoà giữa thể xác và linh hồn, giữa vật chất và tinh thần, được sống là chính mình. – Cuộc sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người tìm thấy tình yêu thương, sự sẻ chia của những người xung quanh, đặc biệt là những người thân yêu trong gia đình. – Được sống là điều may mắn nhưng sống thế nào cho thật ý nghĩa mới là điều quan trọng,...	1,0
--	--	---	-----

		d.Sáng tạo: có cách diễn đạt độc đáo; suy nghĩ, cảm nhận sâu sắc; phát hiện, kiến giải mới mẻ về nội dung, nghệ thuật đoạn văn.	0.5
		e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.5
Tổng điểm			10.0

ĐỀ 78	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	--

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Tôi có đọc bài phỏng vấn Ngô Thị Giáng Uyên, tác giả cuốn sách được nhiều bạn trẻ yêu thích “Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương”. Trong đó cô kể rằng khi đi xin việc ở công ti Unilever, có người hỏi nếu tuyển vào không làm marketing mà làm sales thì có đồng ý không. Uyên nói có. Nhà tuyển dụng rất ngạc nhiên bởi hầu hết những người được hỏi câu này đều trả lời không. “Tại sao phỏng vấn marketing mà lại làm sales?”. Uyên trả lời: “Tại vì tôi biết, nếu làm sales một thời gian thì bộ phận marketing sẽ muốn đưa tôi qua đó, nhưng đã quá muộn vì sales không đồng ý cho tôi đi.”

Chi tiết này khiến tôi nhớ đến câu chuyện về diễn viên Trần Hiếu Húc. Khi đó cô đến xin thử vai Lâm Đại Ngọc, đạo diễn Vương Phù Lâm đã đề nghị cô đóng vai khác. Hiếu Húc lắc đầu “Tôi chính là Lâm Đại Ngọc, nếu ông đề tôi đóng vai khác, khán giả sẽ nói rằng Lâm Đại Ngọc đang đóng vai một người khác.” Đây là điều giống nhau giữa họ? Đó chính là sự tự tin. Và tôi cho rằng, họ thành công là vì họ tự tin.

Có thể bạn sẽ nói: “Họ tự tin là điều dễ hiểu. Vì họ tài năng, thông minh, xinh đẹp. Còn tôi, tôi đâu có gì để mà tự tin” Tôi không cho là vậy. Lòng tự tin thực sự không bắt đầu từ gia thế, tài năng, dung mạo... mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự hiểu mình. Biết mình có nghĩa là biết điều này: Dù bạn là ai thì bạn cũng luôn có trong mình những giá trị nhất định.

(Theo Phạm Lữ Ân – Nếu biết trăm năm là hữu hạn, NXB Hội Nhà văn, 2012)

Câu 1(0,5 điểm): Cho biết phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 2(0,5 điểm): Xác định nội dung chính của văn bản.

Câu 3(1,0 điểm): Tại sao tác giả cho rằng: *Lòng tự tin thực sự không bắt đầu từ gia thế, tài năng, dung mạo... mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự hiểu mình*?

Câu 4(1,0 điểm): Trong văn bản trên, thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1(2,0 điểm): Từ nội dung đoạn trích phần **Đọc hiểu**, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: *Lòng tự tin*

Câu 2(5,0 điểm): Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật người vợ nhất trong truyện ngắn *Vợ Nhặt* của nhà văn Kim Lân (Ngữ văn 12, tập hai, NXB

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. Phần Đọc hiểu		
Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	Phương thức biểu đạt: Nghị luận	0,5
Câu 2	Nội dung: Bàn về lòng tự tin của con người trong cuộc sống	0,5
Câu 3	Lòng tự tin xuất phát từ bên trong, từ sự hiểu mình: Biết ưu thế, sở trường... bản thân sẽ phát huy để thành công trong công việc, cuộc sống; biết mình có những hạn chế, khuyết điểm sẽ có hướng khắc phục để trở thành người hoàn thiện, sống có ích.	1,0
Câu 4	Học sinh chỉ ra thông điệp sống ý nghĩa nhất đối với bản thân một cách ngắn gọn, thuyết phục.	1,0
II. Phần Làm văn		
Câu 1	<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn:</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quynạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Lòng tự tin có vai trò quan trọng đối với mỗi con người.	0,25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau: * Giải thích: Tự tin là tin tưởng vào khả năng của bản thân, chủ động trong mọi công việc, dám tự quyết định và hành động một cách chắc chắn, không hoang mang dao động, người tự tin cũng là người hành động cương quyết, dám nghĩ nghĩ, dám làm. * Bàn luận : + Lòng tự tin là một phẩm chất tốt đẹp của con người. Khi có lòng tự tin con người dễ gặt hái thành công trong cuộc sống. + Biểu hiện của lòng tự tin: luôn tin tưởng vào bản thân, chủ động trước mọi tình huống, không lấy làm hổ thẹn trước những khuyết điểm của bản thân, nỗ lực khắc phục điểm yếu để trở thành người hoàn thiện + Tự tin không đồng nghĩa với tự cao, tự đại + Phê phán những người sống tự ti, không nhận thấy giá trị của bản thân.	0,25 0,5

	* Bài học: + Luôn lạc quan, vui vẻ, tự tin rằng mình có những giá trị sẵn có + Phấn đấu, nỗ lực không ngừng trước những khó khăn, thất bại để luôn tự tin trong cuộc sống.	0,25
	<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt .	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25
Câu 2	<i>a) Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề	0.25
	<i>b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật người vợ nhặt trong truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> của nhà văn Kim Lân, nhân vật Thị Nở trong truyện ngắn <i>Chí Phèo</i> của nhà văn Nam Cao và điểm gặp gỡ trong quan niệm về vẻ đẹp con người của hai nhà văn	0.5
	<i>c) Triển khai vấn đề cần bàn luận thành bài văn hoàn chỉnh; thể hiện được quan điểm và thái độ cá nhân; bàn luận đúng vấn đề đã nêu.</i> *Giới thiệu về tác giả tác phẩm và đối tượng nghị luận: - Kim Lân, <i>Vợ nhặt</i>, nhân vật người vợ nhặt - Nam Cao, <i>Chí Phèo</i>, Thị Nở => Vẻ đẹp tâm hồn của hai nhân vật thị (Người vợ nhặt) và Thị Nở * Cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật thị vợ nhặt trong truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> của nhà văn Kim Lân: - Đằng sau vẻ rách rưới là một khát vọng sống mãnh liệt (phân tích - chứng minh) - Đằng sau vẻ chao chát, chồng lòn là người phụ nữ hiền hậu, đúng mực (phân tích - chứng minh) - Niềm tin, sự lạc quan vào cuộc sống trong tương lai (phân tích - chứng minh ở đoạn cuối truyện) - Nghệ thuật: Xây dựng nhân vật - đặt nhân vật trong tình huống truyện độc đáo, éo le, cảm động; Vẻ đẹp tâm hồn nhân vật được thể hiện thông qua các chi tiết: hành động, lời nói, diễn biến tâm trạng; Ngôn ngữ mộc mạc giản dị, kể chuyện hấp dẫn. * Đánh giá - Điểm chung	0,5 2,0

	+ Về nhân vật thị của nhà văn Kim có nhiều vẻ đẹp tâm hồn con người, mang vẻ đẹp khuất lấp do hoàn cảnh làm ẩn đi nhưng khi được sống trong tình yêu thương, họ lại toát lên vẻ đẹp phẩm chất có thể tiêu biểu cho những phẩm chất tốt đẹp nhất của con người và người phụ nữ nói riêng. + Ca ngợi, khẳng định phẩm chất tốt đẹp trong tâm hồn của người lao động, bộc lộ niềm tin mãnh liệt: dù trong bất kì hoàn cảnh nào thì vẻ đẹp tâm hồn của họ vẫn ngời sáng. + Sự cảm hóa, thức tỉnh con người bằng tình yêu thương - Đánh giá khái quát: + Là một sự gặp gỡ tình cờ trong quan niệm của hai nhà văn về vẻ đẹp con người – đó là tính nhân văn, sự nhìn nhận đa chiều của văn học đã ngấm trong tư tưởng của Kim Lân và Nam Cao. + Thông qua hai nhân vật kể trên, người đọc sẽ có sự nhìn nhận đa chiều hơn thể hiện khả năng thấu hiểu, đồng cảm và sự trân trọng của hai nhà văn với những vẻ đẹp và sức sống tâm hồn người nông dân nghèo trước CMT8. Đó là sự nối tiếp xuất sắc của Nam Cao và Kim Lân với mạch nguồn nhân đạo của VHVN.	0,5 0,5
	d) <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ và ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e) <i>Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

ĐỀ 79	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
---------------------	---

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ Câu 1 đến Câu 4

Chúa đã cho bạn những gì tốt đẹp để bạn bắt đầu cho tương lai tốt đẹp của mình. Tuy vậy, phần lớn mọi người thường nói với nhau những câu như: “Giá mà tôi có cái này, giá mà tôi khác đi, giá mà tôi xinh đẹp hơn, giá mà tôi nhiều tiền hơn...thì tôi sẽ thực hiện được điều mà Chúa mong muốn tôi thực hiện”. Và hầu hết thời gian chúng ta phớt lờ cơ hội mà Chúa đặt trong tầm tay mình. Ta thường đánh giá quá cao tầm quan trọng mà những gì chúng ta không có. Chúa không đòi hỏi bạn bất cứ thứ gì mà bạn không bao giờ đem đến cho ngài. Bạn không biết nên bắt đầu từ đâu? Hãy bắt đầu với những thứ mà chúa ban sẵn cho bạn. John Wonden đã từng nói:

“Đừng bao giờ để những gì bạn không thể làm ngăn những thứ bạn có thể làm”. Sự nhàn rỗi và lười biếng lâu ngày sẽ làm tê liệt khả năng sáng tạo của bạn. Đầu óc không vững vàng, lúc thích cái này, lúc thích cái kia thì chẳng được gì nên hỗn cả. Đừng chờ đợi những điều kiện lí tưởng để hành động đúng đắn, hãy sử dụng những điều kiện bình thường. Chúng ta không cần thêm sức mạnh, hay những cơ hội lớn hơn. Điều mà chúng ta thực sự cần là những gì chúng ta có tại nơi mà chúng ta đang ở. Sự lười cuốn của những thứ xa xôi và thách thức chỉ là những sự lừa dối mà thôi. Cơ hội tuyệt vời nằm ở chính nơi bạn đứng.

(Trích từ sách Jonh MaSon – *Sinh ra là một bản thể, đừng chết như một bản sao*, NXB Lao Động, Hà Nội 2017)

Câu 1. Theo tác giả, mọi người thường nói câu gì về bản thân?

Câu 2. Việc tác giả trích câu nói của John Wooden có tác dụng gì?

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào là chờ đợi những điều kiện lí tưởng và sử dụng những điều kiện bình thường?

Câu 4. Anh / chị có đồng tình với ý kiến của tác giả “Sự lười cuốn của những thứ xa xôi và thách thức chỉ là những sự lừa dối mà thôi” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những gì cần phải bắt đầu để tạo nên tương lai tốt đẹp cho bản thân..

Câu 2. (5.0 điểm)

Trong truyện ngắn *Vợ nhặt*, nhà văn Kim Lân đã miêu tả tâm trạng của bà cụ Tứ . Chiều hôm trước, khi biết con trai mình dắt vợ về nhà: “Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì...Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt...Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không”. Và sáng hôm sau, trong buổi cơm: “Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này:

- Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chẳng mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...”

(*Vợ Nhặt* - Ngữ Văn 12, tập 2, NXB Giáo Dục Việt Nam 2015, tr 28 và 31)

Phân tích hình ảnh nhân vật bà cụ Tứ qua hai lần miêu tả trên. Từ đó làm nổi bật thông điệp mà nhà văn gửi gắm qua nhân vật này.

----- Hết -----

ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Mọi người thường nói những câu về bản thân: <i>Giá mà tôi có cái này, tôi khác đi, tôi xinh đẹp hơn, giá mà tôi nhiều tiền hơn..</i>	0.5
	2	Tác dụng: - Khuyên chúng ta phải tư duy, hành động để thành công - Tăng tính thuyết phục <i>(Chỉ cần đúng 1 trong 2 ý được 0,5 đ)</i>	0.5
	3	- <i>Chờ đợi điều kiện lí tưởng</i> : chờ đợi cơ hội chín muồi ,khi đó mới bắt đầu hành động - <i>Sử dụng điều kiện bình thường</i> : tinh thần dấn thân, vượt khó để thực hiện công việc ngay cả khi điều kiện chưa thuận lợi.	1.0
	4	HS nêu quan điểm của bản thân - Đồng tình/ không đồng tình - Lí giải hợp lí , thuyết phục, phù hợp chuẩn mực đạo lí	1.0
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về hành trình tìm kiếm hạnh phúc của mỗi người	2.0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp,	0

		móc xích hoặc song hành	5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Trình bày suy nghĩ về hành trình tìm kiếm của mỗi người	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận	1,0
		Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ suy nghĩ về <i>những gì cần phải bắt đầu để tạo nên tương lai tốt đẹp cho bản thân</i>. Có thể theo hướng sau: - Ý thức được những gì cần phải bắt đầu cho cuộc hành trình tìm kiếm tương lai của mỗi người là ch là bước khởi đầu, hướng đến nhiều những mục tiêu, mục đích có ý nghĩa tích cực với giá trị nhân văn cao đẹp. - Biết xác định vị trí bản thân hiện tại: HS cuối cấp, điểm xuất phát, bối cảnh thời đại công nghệ mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đầy thách thức... - Biết xây dựng ước mơ, trao dồi tích lũy trí tuệ, đạo đức, sức khỏe, bản lĩnh, kỹ năng sống...đánh giá được khả năng của bản thân. - Những gì bản thân bắt đầu phải thực tế, tốt đẹp, phù hợp với đạo đức, lễ phải...	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,2
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,2
	2	Phân tích hình ảnh nhân vật bà cụ Tứ qua hai lần miêu tả, từ đó làm nổi bật sự thông điệp nhà văn gửi gắm qua nhân vật này.	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát vấn đề	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận <i>Sự đổi thay trong tâm lí, tính cách bà cụ Tứ qua hai lần miêu tả trong buổi chiều hôm trước Tràng đưa vợ về nhà và buổi sáng hôm sau</i>	0,5

		. c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		* Giới thiệu khái quát về tác giả Kim Lân và tác phẩm <i>Vợ nhặt</i>	0,5
		Phân tích nhân vật bà cụ Tứ : * Nội dung - - - - Giới thiệu về nhân vật: Bà cụ Tứ là người mẹ nghèo ,chỉ xuất hiện ở giữa truyện khi Tràng đưa vợ về nhà nhưng thu hút bởi vẻ đẹp tâm hồn, tính cách. – Phân tích nhân vật bà cụ Tứ qua hai lần miêu tả: + <i>Ở buổi chiều hôm trước</i>: tâm trạng ai oán xót thương cho tình cảnh đứa con trai và bản thân mình, lo lắng cho tình cảnh đứa con. Một người mẹ thương con, hiểu lẽ đời. + <i>Ở buổi sáng hôm sau</i>: Vui tươi, phấn khởi, bà muốn mang lại niềm tin cho đôi vợ chồng trẻ. Bà có tinh thần lạc quan, niềm tin về phía trước.	1,5
		*Nghệ thuật xây dựng nhân vật : Nghệ thuật phân tích, miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế; xây dựng chi tiết mang tính biểu tượng, giọng điệu trần thuật linh hoạt.	0,5
		- Thông điệp nhà văn gửi gắm qua nhân vật: con người dù khi có đặt vào hoàn cảnh khốn cùng vẫn không mất đi những giá trị tinh thần, phẩm chất cao đẹp: lòng yêu thương con	0,5

	người ,tinh thần lạc quan, hy vọng vào tương lai dù chỉ có một tia hy vọng mong manh. Đó cũng chính là chiều sâu nhân đạo trong ngòi bút Kim Lân.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	05
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0.5
TỔNG ĐIỂM		10.

ĐỀ 80	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	---

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Trong dòng đời vội vã có nhiều người dường như đã quên đi tình nghĩa giữa người với người. Nhưng đã là cuộc đời thì đâu phải chỉ trải đầy hoa hồng, đâu phải ai sinh ra cũng có được cuộc sống giàu sang, có được gia đình hạnh phúc toàn diện mà còn có nhiều mảnh đời đau thương, bất hạnh cần chúng ta chia sẻ, giúp đỡ. Chúng ta đâu chỉ sống riêng cho mình, mà còn phải biết quan tâm tới những người khác. Đó chính là sự cho và nhận trong cuộc đời này.

“Cho” và “nhận” là hai khái niệm tưởng chừng như đơn giản nhưng số người có thể cân bằng được nó lại chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Ai cũng có thể nói “những ai biết yêu thương sẽ sống tốt đẹp hơn” hay “đúng thế, cho đi là hạnh phúc hơn nhận về”.

Nhưng tự bản thân mình, ta đã làm được những gì ngoài lời nói? Cho nên, giữa nói và làm lại là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình. Đâu phải ai cũng quên mình vì người khác. Nhưng xin đừng quá chú trọng đến cái tôi của chính bản thân mình. Xin hãy sống vì mọi người để cuộc sống không đơn điệu và để trái tim có những nhịp đập yêu thương.

Cuộc sống này có quá nhiều điều bất ngờ nhưng cái quan trọng nhất thực sự tồn tại là tình yêu thương. Sống không chỉ là nhận mà còn phải biết cho đi.

(Trích- **Lời khuyên cuộc sống**, nguồn Internet)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn bản(0,5 điểm)

Câu 2: Trong đoạn trích, tác giả quan niệm như thế nào về “sự cho và nhận trong cuộc đời”? (0,5 điểm)

Câu 3: Tại sao tác giả cho rằng “*Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình*”? (1,0 điểm)

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với quan điểm “*Chúng ta đâu chỉ sống riêng cho mình, mà còn phải biết quan tâm tới những người khác*” hay không? ”? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong phần đọc-hiểu : “*Sống không chỉ là nhận mà còn phải biết cho đi*”

Câu 2.(5,0 điểm)

Phân tích vẻ đẹp hình tượng Lorca trong đoạn thơ sau:

những tiếng đàn bọt nước
Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt
li-la-li-la-li-la
đi lang thang về miền đơn độc
với vàng trắng chênh choáng
trên yên ngựa mỗi mòn

Tây Ban Nha
hát nghêu ngao
bồng kinh hoàng
áo choàng bê bết đỏ
Lor- ca bị điệu về bãi bắn
chàng đi như người mộng du

tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròn ròn
máu chảy

(Trích: Đàn ghi ta của Lorca– Thanh Thảo, sgk Ngữ Văn 12, tập một,)

-----Hết-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5
	2	Tác giả quan niệm về “sự cho và nhận trong cuộc đời” là: <i>Cuộc đời thì đâu phải chỉ trải đầy hoa hồng, đâu phải ai sinh ra cũng có được cuộc sống giàu sang, có được gia đình hạnh phúc toàn diện mà còn có nhiều mảnh đời đau thương, bất hạnh cần chúng ta chia sẻ, giúp đỡ. Chúng ta đâu chỉ sống riêng cho mình, mà còn phải biết quan tâm tới những người khác. Đó chính là sự cho và nhận trong cuộc đời này.</i>	0,5
	3	Vì: đó là sự “cho” đi xuất phát từ tấm lòng, từ tình yêu thương thực sự, không vụ lợi, không tính toán hơn thiệt. Khi đó cái ta nhận lại sẽ là niềm vui, hạnh phúc thực sự.	1,0
	4	-Học sinh có thể đồng tình hoặc không đồng tình nhưng cần có cách lí giải hợp lí, lôgich, đúng chuẩn mực. + Đồng tình hoặc không đồng tình + Lí giải hợp lí, lôgich, đúng chuẩn mực.	0,25 0,75
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về về ý kiến được nêu trong phần đọc-hiểu: “Sống không chỉ là nhận mà còn phải biết cho đi”	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân- hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Mối quan hệ giữa cho và nhận trong cuộc sống	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề	1,0

	nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ mối quan hệ giữa cho và nhận trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau: *Giải thích Cho : là sự san sẻ, giúp đỡ, quan tâm, yêu thương người khác xuất phát từ cái tâm, từ tấm lòng. Nhận: là sự đền ơn, là được đáp lại những điều tốt đẹp. => Câu nói nhấn mạnh mối quan hệ giữa cho và nhận trong cuộc sống con người, đặc biệt là phải biết cho đi nhiều hơn. *Bàn luận - Con người cho đi nhiều sẽ nhận lại được nhiều điều tốt đẹp hơn. Cái cho đi đa dạng phong phú cả giá trị vật chất lẫn tinh thần. - Cho đi một cách chân thành những gì tốt đẹp nhất mà không hề hi vọng nhận lại bạn đã đem đến niềm vui và hạnh phúc, giảm bớt sự khốn khó, bất hạnh cho người khác đồng thời đem đến sự thanh thản, hạnh phúc cho chính mình. - Phê phán những con người sống ích kỉ, cá nhân, vụ lợi, chỉ mong đợi nhận được của người khác mà không hề biết cho đi. *Bài học: - Đây là lời khuyên về lối sống đẹp, biết yêu thương, sẻ chia. - Cần luôn cố gắng rèn luyện hoàn thiện bản thân mình giàu có về vật chất và tinh thần để có thể cho đi nhiều hơn.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25
2	Phân tích về đẹp hình tượng Lorca trong đoạn thơ.	5,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Có đủ các phần: MB, TB, KB. MB nêu được vấn đề, TB triển khai được vấn đề, KB kết luận được vấn đề.	0,5

	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: hình tượng Lorca trong đoạn thơ	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, cảm nhận sâu sắc, vận dụng tốt các TTLL.	3,5
	*. Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, hình tượng Lorca.	0,5
	*. Hình tượng Lorca qua đoạn thơ:	3,0
	**Giới thiệu đôi nét về Lorca.	
	– Là một trong những tài năng sáng chói của văn học hiện đại Tây Ban Nha.	
	– Lorca có một nhân cách cao đẹp. Ông vừa cổ vũ nhân dân đấu tranh đòi quyền sống chính đáng vừa khởi xướng và thúc đẩy mạnh mẽ những cách tân nghệ thuật.	
	-Lorca trở thành một biểu tượng và là ngọn cờ tập hợp các nhà văn hóa đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ văn hóa dân tộc và văn minh nhân loại.	
	** Đoạn 1 (6 câu đầu): Lor-ca – hình ảnh người nghệ sĩ tự do và cô đơn.	
	– Gọi liên tưởng đến khung cảnh của một đấu trường với những võ sĩ đấu bò tốt nổi tiếng dũng cảm ở Tây Ban Nha.	
	– Cuộc chiến đấu giữa:	
	+ Khát vọng dân chủ của Lor-ca với nền chính trị độc tài.	
	+ Khát vọng cách tân nghệ thuật của người nghệ sĩ với nền nghệ thuật già nua.	
	– “Những tiếng đàn bọt nước” (tiếng đàn không chỉ được cảm nhận bằng thính giác mà còn bằng thị giác), cùng chuỗi hợp âm “li-la li-la li-la” đã cho thấy nghệ sĩ Lor-ca đang bay bổng với những giai điệu mới, với khát vọng cách tân nghệ thuật. Tiếng đàn bọt nước còn gợi ra số phận mong manh của người nghệ sĩ.	
	– Lor-ca đơn độc, mệt mỏi tranh đấu bền bỉ cho những khát vọng nghệ thuật cao đẹp.	
	Như vậy, sáu dòng thơ đầu là “khúc tiền tấu” của bản độc tấu ghi ta	

	mang tên Lor-ca. Trong những giai điệu đầu tiên vút lên mạnh mẽ, hào hùng có những khoảnh khắc lắng xuống, day dứt, mong manh. **. Đoạn 2 (12 câu tiếp theo): Lor-ca – người nghệ sĩ cùng với nghệ thuật bị sát hại bởi các thế lực tàn ác. – Cái chết đã ập đến quá nhanh và phũ phàng, giữa lúc Lor-ca không ngờ tới (Chàng vẫn còn đang “hát nghêu ngao” và vẫn chưa thể tin được rằng việc mình bị điệu về’ bãi bắn lại là một sự thật – Lor-ca đã đi như người mộng du). + Cái chết đột ngột của Lor-ca được diễn tả bằng tâm trạng bàng hoàng, đau đớn, bởi cái chết ấy cũng đồng nghĩa với việc giết chết một khát vọng, một giá trị nhân văn cao đẹp. + Cái dáng đi như “người mộng du” của Lor-ca gợi nhiều liên tưởng, suy tư: vừa diễn tả tâm trạng ngỡ ngàng, ngỡ ngác của Lor-ca không hiểu nổi lí do cái chết của mình, vừa thể hiện thái độ của người nghệ sĩ dám coi thường, chẳng thêm để tâm đến thứ cường quyền bạo lực đang cướp đi mạng sống của mình, đồng thời cũng góp phần bộc lộ niềm cảm thông, xót thương và lòng ngưỡng mộ của tác giả đối với người nghệ sĩ không biết cúi đầu. – Tiếng ghi ta không còn vẹn nguyên, nó đã vỡ ra: thành màu sắc (tiếng ghi ta nâu/ tiếng ghi ta lá xanh biết mấy); thành hình khối (tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan); thành dòng máu chảy (tiếng ghi ta ròn ròn/ máu chảy). – Mỗi tiếng ghi ta là một nỗi niềm của con người trước cái chết của Lor-ca: + Sự tiếc thương của người tình thủy chung (tiếng ghi ta nâu/ bầu trời cô gái ấy). + Nỗi niềm xót xa, tiếc nuối của con người, của nhà thơ trước hành trình dở dang của những cách tân nghệ thuật (tiếng ghi ta lá xanh biết mấy/ tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan). + Nỗi đau của chúng ta trước cái chết thâm thảm của người nghệ sĩ	
--	---	--

	(tiếng ghi ta rờn rờn/ máu chảy). Như vậy, Lor-ca đã phải dừng lại vĩnh viễn trong cuộc chiến đấu cho tự do, công lí và những khát vọng cách tân của người nghệ sĩ cũng theo đó mà như “bọt nước vỡ tan”. – Bốn lần cụm từ “tiếng ghi ta” được lặp lại, thể hiện cảm xúc mãnh liệt và cảm nhận đa chiều (mỗi “tiếng ghi ta” gắn liền với một hình ảnh) của tác giả về cái chết của Ga-xi-a Lor-ca. – Thủ pháp chuyển đổi cảm giác tạo nên những cảm nhận rất mới, rất độc đáo, phù hợp với những nỗ lực và khát vọng cách tân của người nghệ sĩ Lor-ca. * Nghệ thuật: – Sử dụng thành công những thủ pháp tiêu biểu của thơ siêu thực, đặc biệt là chuỗi hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng. – Ngôn ngữ thơ hàm súc, giàu sức gợi.	
	3.Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	4.Có cách diễn đạt sáng tạo, nhận thức sâu sắc về vấn đề nghị luận	0,25
	ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10,00	

ĐỀ 81	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	---

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4

TRƯỚC ĐÁ MỊ CHÂU

- Trần Đăng Khoa

*[...] Tôi đứng lặng trước em
Không phải trước lỗi lầm
biến em thành đá cuội
Nhớ vụn nước có một thời chìm nổi
Bắt đầu từ một tình yêu*

*Em hóa đá trong truyền thuyết
Cho bao cô gái sau em
Không còn phải hóa đá trong đời*

*Có những lỗi lầm phải trả bằng cả
một kiếp người
Nhưng lỗi lầm em lại phải trả bằng
máu toàn dân tộc
Máu vẫn thấm qua từng trang tập đọc
Vớ ngựa Triệu Đà còn đau đến hôm nay...*
Cổ Loa, 12-3-1974

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích. (0,5đ)

Câu 2. Nêu nhan đề một truyền thuyết dân gian được nói đến trong đoạn trích.(0,5đ)

Câu 3. Cách hiểu của anh, chị về ý nghĩa của hai câu thơ:

*Máu vẫn thấm qua từng trang tập đọc
Vớ ngựa Triệu Đà còn đau đến hôm nay”.* (1.0đ)

Câu 4. Điều anh/chị tâm đắc nhất trong đoạn trích trên. (1.0đ)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ đoạn trích trong phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về lỗi lầm của con người trong cuộc sống.

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về hai đoạn văn sau:

[...] Thường khi đến gà gáy sáng Mị ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu dậy ra dóm lửa để bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chớp mắt được từng lúc, Mị lại thức sưởi lửa suốt đêm. Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mị cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên ngồi thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi lửa như đêm trước.

(*Vợ chồng A Phủ- Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập 2, tr13, NXB GD 2008*)

[...] Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngụy ngày xưa, có vẻ những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!”.

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy.

(*Chiếc thuyền ngoài xa- Nguyễn Minh Châu, Ngữ văn 12, tập 2, tr71-72, NXB GD 2008*)

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Hướng dẫn chấm này gồm 02 trang)

- Thầy cô cần quan sát bài làm của học sinh để đánh giá một cách tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.
- Điểm thành phần tính đến 0,25. Điểm tổng toàn bài làm tròn theo quy định.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật/ nghệ thuật.	0.5
	2	Truyền thuyết “Truyện An Dương Vương và Mị Châu-Trọng Thủy”.	0.5
	3	Câu thơ diễn tả nỗi đau mất nước không bao giờ nguôi ngoai của toàn dân tộc, nhắc nhở mỗi chúng ta bài học cảnh giác trong việc bảo vệ đất nước.	1.0
	4	Thí sinh bày tỏ được điều mình tâm đắc nhất qua văn bản và có sự lí giải hợp lý, thuyết phục.	1.0
II		LÀM VĂN	
	1	Anh, chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về lỗi lầm của con người trong cuộc sống.	2.0
		a.Đảm bảo thể thức của đoạn văn	0.25
		b.Xác định đúng vấn đề nghị luận	0.25

		Suy nghĩ về lỗi lầm của con người trong cuộc sống.	
		<i>c. Triển khai các luận điểm</i> Đoạn văn có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau. Dưới đây là một số gợi ý: - Giải thích : Lỗi lầm là những sai lầm, tội lỗi con người mắc phải và để lại những hậu quả đáng tiếc cho mình và mọi người. - Bàn luận: + Trong cuộc sống, con người khó có thể tránh khỏi những lỗi lầm. + Lỗi lầm để lại những hậu quả đáng tiếc cho bản thân người phạm phải. Những lỗi lầm lớn có thể ảnh hưởng đến sự an nguy, tồn vong của một quốc gia. Vì thế có lỗi lầm có thể tha thứ và có lỗi lầm không thể tha thứ. + Phê phán những người gây ra lỗi lầm và thiếu ý thức trong việc khắc phục lỗi lầm. - Bài học nhận thức: + Cần nhận thức lỗi lầm là một tất yếu trong cuộc sống nhưng không phải vì thế mà dung túng cho việc phạm lỗi. + Cần trung thực, nghiêm khắc nhận lỗi và có ý thức khắc phục khi mắc lỗi. + Biết suy nghĩ thấu đáo trước khi quyết định một vấn đề để tránh việc phạm phải các lỗi lầm.	1.0
		<i>d. Sáng tạo:</i> Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, diễn đạt sáng tạo, phù hợp với những chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	0.25
		<i>e. Chính tả, dùng từ đặt câu:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.25
	2	Cảm nhận về hai đoạn văn trong hai tác phẩm “ <i>Vợ chồng A Phủ</i> ” của Tô Hoài và “ <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> ” của Nguyễn Minh Châu	5,0
		<i>a.Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.</i> Mở bài nêu được vấn đề nghị luận. Thân bài triển khai các luận điểm để giải quyết vấn đề. Kết bài đánh giá, kết luận được vấn đề.	0,5
		<i>b.Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Cảm nhận hai đoạn văn trong hai tác phẩm, chỉ ra được nét tương đồng, khác biệt.	0,5
		<i>c.Triển khai các luận điểm để giải quyết vấn đề nghị luận:</i> Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Người viết có thể trình bày hệ thống các luận điểm theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những nội dung sau:	3,0

	c1. <i>Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm, đoạn trích:</i> thí sinh có thể mở bài gián tiếp hoặc gián tiếp nhưng cần giới thiệu được hai tác giả, hai tác phẩm và hai đoạn trích. c2. <i>Cảm nhận về đoạn văn trong “ Vợ chồng A Phủ”:</i> * Nội dung: - Đoạn văn miêu tả nỗi buồn, sự cô đơn héo hắt, sự chai sạn vô cảm, lạnh lùng của Mị trước nỗi đau khổ, tuyệt vọng của A Phủ cũng như hành động độc ác, thô bạo của A Sử. - Qua đoạn văn người đọc thấy được tội ác của bọn thống trị miền núi đã chà đạp lên nhân phẩm, quyền sống của con người, làm cho con người bị tê liệt về ý thức phản kháng và cạn khô nguồn nhựa sống. * Về nghệ thuật : - Miêu tả nội tâm sâu sắc, tinh tế, ngôn ngữ trong sáng, gợi cảm, lắng đọng. - Hình ảnh ngọn lửa miêu tả đầy sức ám ảnh, làm nổi bật sự lạnh lẽo, tê dại trong tâm hồn Mị và chuẩn bị cho hành động, tình huống có ý nghĩa nhân đạo tiếp theo. c.3 <i>Đoạn văn trong “Chiếc thuyền ngoài xa” :</i> * Nội dung: - Đoạn văn miêu tả hành động vũ phu, thô bạo của lão đàn ông đối với vợ và thái độ cam chịu, nhẫn nhục của người đàn bà hàng chài. - Nỗi khổ của người dân sau chiến tranh trong cuộc sống sinh thường nhật. Vì nghèo đói mà con người trở nên độc ác, đầy đọa lẫn nhau. * Về nghệ thuật: - Nghệ thuật miêu tả nội tâm sâu sắc, ngôn ngữ giản dị nhưng trăn trở, suy tư về cuộc đời, thân phận con người. - Sử dụng thủ pháp đối lập giữa hành động thô bạo của người đàn ông và thái độ cam chịu của người đàn bà, giữa hành động bên ngoài và suy nghĩ bên trong. c4. <i>Về sự tương đồng khác biệt giữa hai đoạn văn:</i> - Tương đồng: Cùng miêu tả nỗi đau khổ đến chai sạn, vô cảm của con người bằng ngoài bút miêu tả nội tâm sâu sắc, tinh tế và cả một trái tim đồng cảm, yêu thương. - Khác biệt: + Đoạn văn của Tô Hoài miêu tả nỗi đau khổ của người lao động dưới ách thống trị của bọn phong kiến chúa đất ở miền núi, qua đó tố cáo tội ác của bọn thống trị đồng thời ca ngợi khát vọng sống, khát vọng tự do mãnh liệt của người dân miền núi phía bắc.	
--	---	--

		+ Đoạn văn của Nguyễn Minh Châu miêu tả nỗi khổ của người dân sau chiến tranh do hoàn cảnh nghèo khổ mang lại, đồng thời phát hiện những nghịch lý của cuộc sống. Từ đó nhà văn gửi gắm những suy tư mang tính triết lý sâu sắc về cuộc sống và nghệ thuật.	
		d.Sáng tạo: có cách diễn đạt độc đáo; suy nghĩ, cảm nhận sâu sắc; phát hiện, kiến giải mới mẻ về nội dung, nghệ thuật đoạn văn.	0,5
		e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,5
Tổng điểm			10.0

ĐỀ 82	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	--

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Nền tảng của sự thành công nằm ở tính kỷ luật tự giác và được thể hiện thông qua sự tự chủ. Tự chủ là lòng can đảm được sử dụng đúng lúc, là khả năng tự chế ngự và kiểm soát tất cả các trạng thái cảm xúc của bản thân. Nếu ví con người như một chiếc thuyền thì tính tự chủ chính là bánh lái, giữ cho thuyền đi đúng hướng, vượt qua những sóng gió của cuộc đời. Người hạnh phúc nhất chính là người có thể làm chủ được bản thân.

Điềm tĩnh là một trong những biểu hiện của sự tự chủ. Người giữ được điềm tĩnh luôn ẩn chứa trong mình nguồn sức mạnh to lớn. Điềm tĩnh giúp con người giữ được sự sáng suốt trong khi những người khác không còn kiên nhẫn. Khi bị ai đó đổ lỗi, khi mọi lời chỉ trích đều dồn về bạn, khi bạn liên tục vấp ngã hay khi bị bạn bè quay lưng...ấy là những lúc bạn cần đến tính tự chủ và sự điềm tĩnh. Biết chế ngự bản thân và giữ được sự điềm tĩnh, bạn sẽ có được bình yên cũng như sẵn sàng đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của đời mình. Hãy cố gắng giữ được vẻ bình tĩnh và cái tâm bình thản, sáng suốt trong mọi tình huống, bạn nhé!

(Không gì là không có thể - George Matthew Adams, Thu Hằng dịch)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Theo tác giả, *những lúc bạn cần đến tính tự chủ và sự điềm tĩnh* là lúc nào?

Câu 3. Vì sao tác giả khẳng định: *Người hạnh phúc nhất chính là người có thể làm chủ được bản thân.*

Câu 4. Thông điệp mà anh/chị tâm đắc nhất qua văn bản là gì? Nêu lí do chọn thông điệp đó.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ **ý nghĩa của sự tự chủ** của con người trong cuộc sống.

Câu 2 (5.0 điểm)

Trong bài thơ *Việt Bắc*, nhà thơ Tố Hữu đã viết:

Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

Và:

Ta với mình, mình với ta

Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh

Mình đi, mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu...

(*Việt Bắc* - Tố Hữu, Ngữ văn 12, NXB Giáo dục, 2008, tr.109-110)

Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn thơ trên, từ đó làm rõ tính dân tộc trong thơ Tố Hữu.

.....HẾT.....

HƯỚNG DẪN CHẤM
(*Hướng dẫn chấm này có 03 trang*)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Thầy cô giáo cần nắm vững yêu cầu của *Hướng dẫn chấm* và *Đáp án - Thang điểm* này để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, thầy cô giáo cần linh hoạt trong quá trình chấm, tránh đếm ý cho điểm, khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Việc chi tiết hóa điểm số của các câu (nếu có) trong *Đáp án - Thang điểm* phải được thống nhất trong Tổ chấm và đảm bảo không sai lệch với tổng điểm toàn bài.

3. Bài thi được chấm theo thang điểm 10, lấy đến 0.25; không làm tròn điểm.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0.5
	2	Theo tác giả, lúc bạn cần đến tính tự chủ và sự điềm tĩnh: <i>- Khi bị ai đó đổ lỗi, khi mọi lời chỉ trích đều dồn về bạn</i> <i>- Khi bạn liên tục vấp ngã hay bị bạn bè quay lưng.</i>	0.5
	3	Hiểu câu nói: “ <i>người hạnh phúc nhất chính là người tự chủ được bản thân</i> ”: <i>- Tính tự chủ luôn là điều cần thiết và giúp con người ta “dễ dàng” hơn đối với cuộc sống.</i> <i>- Tự chủ giúp ta biết kiểm soát được thái độ, hành động của mình, nhắc nhở phải luôn biết chế ngự và kiểm soát cảm xúc đúng nơi, đúng lúc, giữ được kiên nhẫn mà hoàn thành công việc nào đó một cách tốt đẹp, suôn sẻ.</i>	1.0
	4	HS có thể nêu 1 thông điệp mà mình tâm đắc nhất (0.25), đồng thời có lí giải hợp tình, hợp lí (0.75)	1.0

II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý nghĩa của sự tự chủ của con người trong cuộc sống.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của sự tự chủ của con người trong cuộc sống.	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của sự tự chủ của con người trong cuộc sống. Có thể triển khai theo hướng sau: - Tự chủ là khả năng tự bản thân mình đưa ra quyết định sáng suốt, không bị ép buộc, tự chủ trong lời nói, suy nghĩ, tình cảm, tự chủ với hành vi của mình trong mọi hoàn cảnh. Tự chủ là đức tính tốt cần phải rèn luyện trong quá trình hoàn thiện bản thân. - Ý nghĩa của sự tự chủ của con người trong cuộc sống. + Người có tính tự chủ thì trong mọi trường hợp, mọi vấn đề đều có thái độ bình tĩnh, tự tin. Tự tin vào khả năng, năng lực của bản thân, tin vào điều bản thân sẽ làm và tin vào kết quả mình mang lại. + Khi rèn luyện được tính tự chủ, con người hình thành lối sống đúng đắn, cư xử có đạo đức, có văn hóa hơn. + Tự chủ khiến ta tự tin, mạnh mẽ vượt qua khó khăn, cám dỗ. + Tự chủ còn mang lại cho con người nhiều cơ hội cao, dám ước mơ, dám thể hiện khả năng bản thân ở mọi lĩnh vực và sẽ thành công - Mở rộng: + Phê phán những ai thiếu tự chủ, dấn dẫm trong cuộc sống. + Tự chủ khác với kiêu ngạo - Bài học: Mỗi người phải có ý thức cao, trách nhiệm trong mọi công việc, tích cực tham gia học tập và rèn luyện bản thân thật tốt.	1.0
		d. Sáng tạo	0,25

		Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Cảm nhận về hai đoạn thơ trong bài <i>Việt Bắc</i>, từ đó làm rõ tính dân tộc trong thơ Tố Hữu.	5,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về hai đoạn thơ (có ý phụ)</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Cảm nhận về hai đoạn thơ, từ đó làm rõ tính dân tộc trong thơ Tố Hữu.	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận: -Tố Hữu là một trong những lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Thơ Tố Hữu gắn bó chặt chẽ với các chặng đường cách mạng gian khổ mà hào hùng, vẻ vang của dân tộc. - <i>Việt Bắc</i> là một trong những thành tựu xuất sắc, kết tinh vẻ đẹp hồn thơ và phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu. -Bài thơ không chỉ chứa đựng nội dung sâu sắc mà còn thể hiện tính dân tộc trong thơ Tố Hữu. Hai đoạn thơ sau là những đoạn thơ tiêu biểu trong bài thơ <i>Việt Bắc</i> đã nói lên điều đó. Cảm nhận về hai đoạn thơ: *Đoạn thơ thứ nhất:- Bốn câu thơ sử dụng điệp cấu trúc, kết hợp câu hỏi tu từ <i>mình về mình có nhớ</i> nhằm nhấn mạnh niềm day dứt không nguôi. - Cách xưng hô “mình-ta” như lời tâm tình của đôi lứa yêu nhau khiến cuộc chia tay trở nên thân mật, gần gũi, giản dị. - Những hình ảnh: cây-núi, sông-nguồn cùng những từ ngữ chỉ thời gian “mười lăm năm” gợi sự gắn bó, ân tình, thủy chung. -Nhịp thơ lục bát đều đặn, hài hòa tạo âm hưởng da diết, lắng sâu, xoáy vào lòng người đi → Đoạn thơ là lời ước hẹn của người dân Việt Bắc thiết tha, luyện tiếc,	0,5
	2.1		
	2.2		1,5

2.3	khơi gợi trong lòng người ra đi những kỉ niệm về một giai đoạn đã qua ở chiến khu Việt Bắc. *Đoạn thơ thứ hai:- Cặp đại từ <i>mình-ta</i> được sử dụng linh hoạt, tạo sự hòa quyện, gắn bó máu thịt giữa kẻ ở và người đi - Giọng điệu tha thiết như một lời thề thủy chung, son sắt - Các từ láy: <i>mặn mà, đĩnh ninh</i> khẳng định nghĩa tình bền chặt, trước sau như một của cách mạng đối với Việt Bắc - Cách so sánh: <i>bao nhiêu-bấy nhiêu gợi tình cảm bao la, chan chứa giữa cách mạng và Việt Bắc</i> → Đoạn thơ là lời người cán bộ kháng chiến, khẳng định tình nghĩa thủy chung, không bao giờ thay đổi của người ra đi đối với người ở lại. Tính dân tộc trong thơ Tố Hữu: - Bài thơ <i>Việt Bắc</i> nói chung, hai đoạn thơ trên nói riêng viết về một sự kiện chính trị có ý nghĩa trọng đại, viết về nghĩa tình cách mạng nhưng đây cũng là tấm gương phản chiếu tâm hồn dân tộc, đời sống dân tộc. - Thể thơ truyền thống của dân tộc đặc biệt là thể thơ lục bát với cả sắc thái lục bát ca dao và lục bát cổ điển đã được Tố Hữu sử dụng thành công. - Cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh hài hòa tạo nên nhạc điệu ngân nga, rền rắt, da diết, lắng sâu, tạo nên giọng thơ tâm tình, ngọt ngào tha thiết. - Kết cấu đối đáp, cách xưng hô mình - ta quen thuộc trong ca dao cũng đã được Tố Hữu sử dụng nhuần nhuyễn. - Ngôn ngữ quen thuộc, hình ảnh thơ gần gũi, lối diễn đạt dung dị cũng là một đặc điểm được thể hiện nhiều trong thơ Tố Hữu. Những yếu tố về nội dung và nghệ thuật như trên đã tạo nên tính dân tộc trong thơ Tố Hữu. Đó cũng chính là vẻ đẹp, là phong cách nghệ thuật của thơ Tố Hữu.	1,5
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Lập trường vững vàng bao nhiêu thì ý kiến chúng ta đưa ra càng có sức nặng, bạn có để ý những người lập trường dễ dao động và thay đổi chưa? Ý kiến của họ dường như không có sức nặng và không làm thay đổi được vấn đề, họ chỉ là những kẻ a dua và làm theo những người khác. Như vậy, họ không có giá trị trong làm việc tập thể mà chỉ khiến cho tập thể gặp nhiều khó khăn hơn. Bởi vì thông thường những người lập trường dễ lay động là những người thấy lợi mới làm, họ sẽ theo bên nào mang lại nhiều lợi ích cho mình nhất, chứ không phải đi theo bên nào đúng nhất.

Nếu cuộc sống có quá nhiều người như vậy chỉ khiến cho cuộc sống của chúng ta càng thêm khó khăn và rắc rối. Bởi vì có những ý kiến tốt hơn không thực hiện mà những ý kiến tồi hơn, kém chất lượng hơn được đầu tư và mang về nguồn lợi không nhỏ cho những kẻ thực dụng. Tuy nhiên xã hội lại có khá nhiều những người như thế!

Bạn hãy sống thật bản lĩnh để có một lập trường vững vàng và ý kiến uy tín! Đó là điều còn quý hơn cả tiền bạc. Bởi vì không có gì có thể mua được danh dự và uy tín cá nhân. Nó được tạo nên theo năm tháng và sự cố gắng của mỗi người.

(Nguồn: Người vận chuyển)

Câu 1. (0.5 điểm) Đặt nhan đề cho đoạn trích trên.

Câu 2. (0.5 điểm) Theo tác giả đoạn trích, những người không có lập trường vững vàng là những kẻ như thế nào?

Câu 3. (1.0 điểm) Theo anh/ chị, tại sao tác giả khẳng định: “Lập trường vững vàng bao nhiêu thì ý kiến chúng ta đưa ra càng có sức nặng” ?

Câu 4. (1.0 điểm) Bài học nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với anh/ chị? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần đọc hiểu: “ *Hãy sống thật bản lĩnh để có một lập trường vững vàng và ý kiến uy tín*”

Câu 2. (5.0 điểm) Cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Mị trong đêm đông giải cứu A Phủ trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của nhà văn Tô Hoài. Từ đó, bình luận ngắn gọn về giá trị nhân đạo của tác phẩm.

.....**HẾT**.....

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:.....; Số báo danh:.....

Chữ kí của cán bộ coi thi 1:.....Chữ kí của cán bộ coi thi 2:.....

ĐÁP ÁN- THANG ĐIỂM

Bài thi: NGŨ VĂN

(Đáp án- thang điểm gồm có 02 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Nhan đề: Hãy giữ vững lập trường	0.5
	2	Đó là những kẻ a dua và làm theo những người khác, những kẻ thấy lợi mới làm	0.5
	3	Vì: - Lập trường được xây dựng trên cơ sở kiến thức, sự hiểu biết của một trí tuệ sắc sảo và một bản lĩnh mạnh mẽ. - Khi có lập trường vững vàng thì ý kiến chúng ta đưa ra luôn đúng đắn, giàu tính thuyết phục, nghĩa là có sức nặng đối với mọi người	0.5
	4	*Bài học: Hs rút ra bài học phải có cơ sở từ đoạn trích. Có thể tham khảo các gợi ý sau: - Hãy giữ vững lập trường - Lập trường còn quý hơn cả tiền bạc - Không gì có thể mua được danh dự và uy tín cá nhân,	0.5

		* Lí giải: thuyết phục	0.5
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Viết đoạn văn về ý kiến: “ <i>Hãy sống thật bản lĩnh để có một lập trường vững vàng và ý kiến uy tín</i>”	2.0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng- phân- hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Ý kiến: “ <i>Hãy sống thật bản lĩnh để có một lập trường vững vàng và ý kiến uy tín</i> ”	0.25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể chọn lựa các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần phải thể hiện quan điểm về ý kiến: “ <i>Hãy sống thật bản lĩnh để có một lập trường vững vàng và ý kiến uy tín</i> ”. Có thể triển khai theo hướng: - Sống thật bản lĩnh là dám nghĩ dám làm, lời nói đi đôi với hành động, sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn, thách thức, không dao động trước lời nói của người khác=>Câu nói là lời khuyên sâu sắc, chân thành, là sự đề cao lối sống bản lĩnh để có lập trường và ý kiến uy tín. - Lập trường vững vàng và ý kiến uy tín sẽ góp phần nâng cao giá trị của bản thân. Chính bản lĩnh là yếu tố quan trọng giúp lập trường ko bị chao đảo, lung lay. - Phê phán những kẻ ko có bản lĩnh, ko có lập trường, a dua theo người khác. - Thường xuyên rèn luyện bản lĩnh từ những việc nhỏ trong học tập và trong cuộc sống	1.0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0.25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0.25
	2	Cảm nhận về đẹp tâm hồn của nhân vật Mị trong đêm đông giải cứu A Phủ; bình luận ngắn gọn về giá trị nhân đạo của tác phẩm “<i>Vợ chồng A Phủ</i>”	5.0
		<i>a.Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i>	0.25

		Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	
--	--	--	--

	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Mị trong đêm đông giải cứu A Phủ và bình luận ngắn gọn về giá trị nhân đạo của tác phẩm “Vợ chồng A Phủ”	0.5
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; bài làm cần hướng đến các yêu cầu cơ bản sau:	
	*Giới thiệu khái quát về nhà văn Tô Hoài và tác phẩm <i>Vợ chồng A Phủ</i>	0.5
	*<i>Vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Mị trong đêm đông giải cứu A Phủ</i> - Hình tượng nhân vật Mị trong đêm cứu A Phủ mang nhiều vẻ đẹp đáng quý: + <i>Tấm lòng nhân ái, vị tha</i>: Từ chỗ thân nhiên, Mị đã cảm động khi nhìn thấy dòng nước mắt của A Phủ rơi giữa đêm đông; từ chỗ thương mình, Mị đã thương A Phủ phải chết oan uổng, ... + <i>Tinh thần phản kháng</i>: từ cam chịu, nhẫn nhục, Mị đã biết căm hờn “ Chúng nó thật độc ác”, biết hành động chống lại nhà Pá Tra bằng việc giải thoát cho A Phủ. + <i>Khát vọng sống, khát vọng tự do mãnh liệt</i>: Mị đã đập đổ cường quyền, thần quyền, đã băng mình qua bóng tối ngục tù để đến với ánh sáng tự do, hạnh phúc bằng việc chạy theo A Phủ, trốn khỏi Hồng Ngài. -Hình tượng nhân vật Mị được thể hiện bằng ngôn ngữ giản dị mà tài hoa, đặc địa; sự vận động trong tính cách nhân vật bất ngờ mà hợp lí; đặc biệt nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật đạt đến trình độ bậc thầy,...	2.0
	*Bình luận ngắn gọn về giá trị nhân đạo của tác phẩm “Vợ chồng A Phủ” - Lên án, tố cáo tội ác của giai cấp thống trị - Trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp của lòng thương người, tinh thần đấu tranh, sức sống mãnh liệt... của những con người nô lệ. Họ đã tự đứng lên giải phóng cuộc đời mình trước khi ánh sáng cách mạng chiếu tới. Đây là nét mới mẻ trong giá trị nhân đạo của tác phẩm.	1.0
	d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0.25
	e. <i>Sáng tạo</i>	0.5

		Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	
TỔNG ĐIỂM			10.0

ĐỀ 84	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	--

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3.0 điểm).

Đọc đoạn trích :

Khi nhìn cuộc đời với ánh mắt tiêu cực, người ta sẽ luôn thấy hoài nghi, lo âu, sợ hãi. Lúc đó, người ta sẽ không làm việc tốt hơn, ít yêu thương hơn, ít cống hiến hơn; sẽ đánh mất tiềm năng và sự tốt đẹp trong bản thân họ. Sự quá tải thông tin tiêu cực sẽ làm mất niềm tin, không mang lại cho xã hội an toàn hơn và không giúp cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

Khi gửi niềm tin yêu vào con người, nếu ta là một người sống hết mình vì mọi người, luôn tin tưởng, sẵn sàng bao dung và tha thứ thì ta sẽ có niềm tin và sẽ sống có ý nghĩa hơn.

Chúng ta không nên chỉ nhìn vào những mặt trái của cuộc sống rồi vội đánh mất niềm tin vào bản thân, vào thế giới xung quanh. Trách nhiệm tìm lại niềm tin vào cuộc sống phải là tự thân của mỗi người. Hãy tự vấn ta đã và sẽ làm gì cho cuộc đời này, cho xã hội này ngày càng đáng sống hơn. Đừng nghĩ là xã hội vô cảm và dần thiếu vắng người tốt. Lòng tốt vẫn quanh đây. Chúng ta không sợ người xấu mà chỉ sợ người tốt không làm gì.

(Người lao động, ***Đừng đánh mất niềm tin*** – Diệp Văn Sơn)

Thực hiện các yêu cầu sau :

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, những nguyên nhân nào khiến con người mất niềm tin. (0,5 điểm)

Câu 3. Anh (chị) hiểu như thế nào là “nhìn đời với ánh mắt tiêu cực”. (1.0 điểm)

Câu 4. Vì sao tác giả cho rằng *Trách nhiệm tìm lại niềm tin vào cuộc sống phải là tự thân của mỗi người*. (1,0 đ)

II. PHẦN LÀM VĂN : (7.0 điểm).

Câu 1 (2.0 điểm).

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu “*Chúng ta không sợ người xấu mà chỉ sợ người tốt không làm gì*”. .

Câu 2 (5.0 điểm).

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau :

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa

Kìa em xiêm áo tự bao giờ

Khèn lên man điệu nàng e ấp

Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy

Có thấy hồn lau nẻo bến bờ

Có nhớ dáng người trên độc mộc

Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

(Tây Tiến – Quang Dũng)

Từ đó làm nổi bật bút pháp tài hoa – lãng mạn của nhà thơ Quang Dũng .

=====Hết=====

GỢI Ý ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC		3.0

HIỂU		
1	Phương thức biểu đạt chính: <i>Phương thức nghị luận/nghị luận</i>	0.5
2	Những nguyên nhân khiến con người mất niềm tin: - <i>Sự quá tải thông tin tiêu cực.</i> - <i>Chỉ nhìn vào những mặt trái của cuộc sống.</i>	0.75
3	“ <i>Nhìn đời với ánh mắt tiêu cực</i> ” nghĩa là: - <i>Nhìn cuộc sống bằng cái nhìn bi quan, chỉ thấy những mặt xấu xa của đời sống xã hội.</i> - <i>Không thấy được những mặt tốt, những nhân tố tích cực</i>	0.75
4	Tác giả cho rằng “ <i>Trách nhiệm tìm lại niềm tin vào cuộc sống phải là tự thân của mỗi người</i> ” bởi vì: - <i>Niềm tin của con người phụ thuộc vào cách nhìn cuộc sống của họ.</i> - <i>Cuộc sống không hoàn toàn chỉ là cái xấu. Xã hội không thiếu vắng những con người tốt.</i> - <i>Phải tìm lại niềm tin để mỗi người sống có ý nghĩa hơn</i> (HS có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục).	1.0
II.LÀM VĂN		
Câu 1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu “ <i>Chúng ta không sợ người xấu mà chỉ sợ người tốt không làm gì</i> ”.	2.0
	a.Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn: Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng –phân –hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Chúng ta không sợ	0.25

	người xấu mà chỉ sợ người tốt không làm gì.	
	c. <i>Biết triển khai vấn đề nghị luận</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý kiến <i>Chúng ta không sợ người xấu mà chỉ sợ người tốt không làm gì</i>. Có thể triển khai theo các gợi ý sau: - Người tốt không làm gì nghĩa là không tham gia vào việc chống lại cái ác, cái xấu. Câu nói khuyến cáo về sự nguy hiểm của những người được gọi là tốt (không làm điều xấu), nhưng không có tiếng nói, hành động chống lại cái xấu. - Không sợ kẻ xấu vì ta biết kẻ xấu thì ta dễ dàng ngăn chặn, đấu tranh. Nhưng với người tốt không làm gì thì khó hơn nhiều, vì với người tốt, chúng ta dễ chủ quan, không đề phòng. Nhiệm vụ của người tốt là chống lại cái xấu, nhưng người tốt không làm gì đồng nghĩa với người xấu, họ đứng dung với cái xấu sẽ làm cho cái xấu ngày càng hoành hành. - Thấy được sự nguy hiểm của loại người tốt không làm gì và cần có sự sáng suốt để nhận diện, và có cách đấu tranh hợp lý với loại người này.	1.0
	d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25
Câu 2	Cảm nhận về đoạn thơ Tây Tiến; làm nổi bật bút pháp tài hoa – lãng mạn của Quang Dũng trong bài thơ.	5.0
	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài giới thiệu được vấn đề. Thân bài triển khai được vấn đề. Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Cảm nhận được đoạn thơ Tây Tiến và làm nổi bật được bút	0.5

	pháp tài hoa – lãng mạn của Quang Dũng.	
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp.</i> Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:	
	1. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm: -Quang Dũng là nhà thơ tài hoa, thơ Quang Dũng thể hiện cái tôi hào hoa thanh lịch, giàu chất lãng mạn lại rất hồn nhiên, bình dị, chân thực. -Bài thơ Tây Tiến ra đời vào cuối năm 1948, là bài thơ nổi tiếng tiêu biểu cho hồn thơ Quang Dũng, bút pháp lãng mạn là bút pháp bao trùm bài thơ nói chung và đoạn thơ (khổ thơ 2) nói riêng.	0.5
	2. Cảm nhận về đoạn thơ “Tây Tiến”. Cảnh đẹp mỹ lệ, thơ mộng, huyền ảo và giàu chất suy tưởng hiện lên trong nỗi nhớ “chơi vơi” - Những nét vẽ gân guốc được thay bằng những nét vẽ mềm mại, tinh tế đã tạo nên: + Cảnh “đêm hội đuốc hoa”: doanh trại “bùng lên” trong tiếng khèn, điệu múa; dáng điệu “e ấp” trong “xiêm áo” của các thiếu nữ Tây Bắc,... + Cảnh “chiều sương ăy”: có “người đi” “chiều sương ăy”, có “hồn lau nẻo bến bờ”, có “dáng người trên độc mộc” và “trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”... Tất cả hòa đồng, trộn lẫn giữa thực và mơ, giữa yêu và nhớ để “xây hồn thơ”. Đó là chất lãng mạn hào hoa của một cái tôi tài hoa. - Nếu người lính hiện lên trong phần thứ nhất với vẻ đẹp hào hùng thì đến đây người lính Tây Tiến thật hào hoa.	1.5
	3. Bút pháp tài hoa- lãng mạn . - Là biện pháp sáng tạo nghệ thuật trong đó nhấn mạnh những nét đẹp tinh tế, siêu việt, thăng hoa của cuộc sống hiện thực, ít thấy trong thực tế... - Khai thác vẻ đẹp phi thường, tô đậm cái phi thường, gây	1.5

	ấn tượng mạnh mẽ về cái hung vĩ, dữ dội, thơ mộng và tuyệt mỹ. Phát huy cao độ trí tưởng tượng - Thường sử dụng rộng rãi thủ pháp đối lập, cường điệu, tượng trưng ước lệ... - Thể hiện cái “tôi” mãnh liệt. - Hoàn cảnh của người lính Tây Tiến, những chặng đường hành quân có nét đẹp dữ dội, phi thường. - Trong hoàn cảnh đó nổi bật chân dung người lính và hình ảnh đoàn quân cũng gian khổ, hi sinh một cách phi thường; đặc biệt, các chiến sĩ còn mang vẻ đẹp thanh lịch, hào hoa, lãng mạn cũng rất phi thường... - Tinh thần bi tráng (bi thương mà hùng tráng): cái chết của người lính Tây Tiến cũng rất lẫm liệt, hào hùng. - Cái “tôi” thể hiện trong tâm hồn thanh lịch, tài hoa và rất cá tính của nhà thơ.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5

ĐỀ 85	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	---

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích rồi thực hiện các yêu cầu:

Từ chối là một kỹ năng sống quan trọng và cốt yếu. Không ai muốn mắc kẹt trong một mối quan hệ không mang lại hạnh phúc. Không muốn mắc kẹt với một công việc mà mình căm ghét và không tin vào nó. Không ai muốn cảm thấy rằng

họ không thể nói ra điều mình thật sự muốn nói. Nhưng mọi người vẫn lựa chọn điều này. Mọi lúc.

Chúng ta cần phải từ chối một thứ gì đó. Nếu không, ta hoàn toàn không thể có nổi bản sắc cá nhân. Hành động lựa chọn một giá trị cho bản thân đòi hỏi việc từ chối lựa chọn giá trị khác. Nếu muốn có một tình bạn chân thành, tôi sẽ từ chối việc đối xử tệ bạc với bạn bè sau lưng họ. Nếu muốn một cuộc hôn nhân hạnh phúc, tôi sẽ không lấy rượu và ma túy làm lẽ sống của cuộc đời mình.

Thành thực là niềm khao khát tự nhiên của con người. Nhưng một phần của việc sở hữu tính trung thực trong cuộc đời chúng ta là thoải mái việc nói và nghe từ “không”. Theo đó, từ chối khiến cuộc đời bạn tốt đẹp hơn.

(Dân theo Mark Manson, Nghệ thuật tinh tế của việc “đếch” quan tâm, NXB Văn học, Hà Nội, 2019, tr.238)

Câu 1. Nhận biết

Xác định phương thức biểu đạt chính.

Câu 2. Thông hiểu

Nêu nội dung của đoạn trích

Câu 3. Thông hiểu

Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ trong đoạn văn: *Không ai muốn mắc kẹt trong một mối quan hệ không mang lại hạnh phúc. Không ai muốn mắc kẹt với một công việc mà mình căm ghét và không tin vào nó. Không ai muốn cảm thấy rằng họ không thể nói ra điều mình thật sự muốn nói.*

Câu 4. Thông hiểu

Theo anh/chị, vì sao tác giả viết: một phần của việc sở hữu tính trung thực trong cuộc đời chúng ta là thoải mái nói và nghe từ “không”?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm) Vận dụng cao

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về cách nói lời từ chối.

Câu 2 (5.0 điểm)

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất ,
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

(Quang Dũng - *Tây Tiến*, Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục, 2008, tr.89)

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ trên, từ đó nhận xét cảm hứng lãng mạn và tính bi tráng trong cách thể hiện của tác giả

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Phần	Nội dung
I	1. Phương pháp: căn cứ các các phương thức biểu đạt đã học Cách giải: - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận 2. Phương pháp: căn cứ nội dung đoạn, phân tích Cách giải: - Nội dung: từ chối là một kỹ năng sống quan trọng, cần thiết giúp khẳng định bản sắc cá nhân và góp phần đảm bảo hạnh phúc cho cuộc sống mỗi người.

	3. Phương pháp: căn cứ biện pháp tu từ đã học, phân tích Cách giải: - Biện pháp: Điệp cấu trúc (Không ai....) - Tác dụng: nhấn mạnh những điều không ai mong muốn sẽ xảy ra trong cuộc sống của mình; tạo giọng văn trùng điệp, dứt khoát. 4. Phương pháp: phân tích, lý giải Cách giải: <i>Gợi ý:</i> - Lời từ chối không dễ nói ra, dù nhiều khi rất muốn. Bị từ chối cũng thường khiến con người cảm thấy khó chịu. - Thiếu kĩ năng từ chối hoặc không thoải mái khi bị từ chối sẽ khiến cuộc sống của bạn trở nên ngột ngạt, khiên cưỡng, mệt mỏi.
II	Phương pháp: phân tích, tổng hợp Cách giải: 1. Giới thiệu vấn đề: cách nói lời từ chối. 2. Giải thích: - Từ chối: có thể hiểu là không đáp ứng một yêu cầu, nguyện vọng nào đó của người khác khi họ đề xuất với mình. => Từ chối là một kĩ năng cần thiết, quan trọng mà mỗi người cần phải học. 3. Bình luận: - Ý nghĩa của lời từ chối: + Từ chối đúng lúc, đúng chỗ sẽ khiến cho cuộc sống của chúng ta trở nên nhẹ nhàng, dễ thở và hạnh phúc hơn.

	+ Từ chối cũng là cách nâng cao giá trị bản thân; để bản thân có thời gian dành cho sự nghiệp, sở thích của riêng mình. - Nhưng lời từ chối có thể làm tổn thương người khác và gây áp lực lên chính mình. Bởi vậy, khi từ chối chúng ta cần: + Học cách từ chối khéo léo. + Nói năng lịch sự, giải thích rõ ràng. + Từ chối khi đó là việc thực sự không thể làm được, từ chối một cách chân thành. + ... - Giá trị của bản thân mỗi người không phụ thuộc vào những gì bạn làm cho người khác. Bởi vậy, đừng ngần ngại từ chối khi cảm thấy cần thiết. - Liên hệ bản thân và tổng kết vấn đề.
	Phương pháp: phân tích, tổng hợp Cách giải: ❖ Yêu cầu hình thức: - Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. ❖ Yêu cầu nội dung: • Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc. Nhưng Quang Dũng trước hết là một nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa – đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây) của mình. - <i>Tây Tiến</i> là bài thơ tiêu biểu cho đời thơ Quang Dũng, thể hiện sâu

sắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ, được in trong tập *Mây đầu ô* (1986).

• **Phân tích đoạn thơ**

a/ Ngoại hình (bì thương): được khắc hoạ bằng một nét vẽ rất gân guốc, lạ hoá nhưng lại được bắt nguồn từ hiện thực:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

- Không mọc tóc, quân xanh màu lá đều là hậu quả của những trận sốt rét rừng khủng khiếp mà người nào cũng phải trải qua. Trong hồi ức của những người lính Tây Tiến trở về, đoàn quân tử vong vì sốt rét rừng nhiều hơn là vì đánh trận bởi rừng thiêng nước độc mà thuốc men không có.

- Quang Dũng không hề che giấu những gian khổ, khó khăn..., chỉ có điều nhà thơ không miêu tả một cách trần trụi. Hiện thực ấy được khúc xạ qua bút pháp lãng mạn của Quang Dũng, trở thành cách nói mang khẩu khí của người lính Tây Tiến, cách nói rất chủ động: không mọc tóc chứ không phải tóc không thể mọc vì sốt rét tạo nên nét dữ dội, ngang tàng, cứng cỏi của người lính Tây Tiến; cái vẽ xanh xao vì đói khát, vì sốt rét của những người lính qua ngòi bút Quang Dũng lại toát lên vẻ oai phong, dữ dằn của những con hổ nơi rừng thiêng “quân xanh màu lá dữ oai hùm”.

b/ Ấn sau ngoại hình ấy là sức mạnh nội tâm (hào hùng):

- Đoàn binh gợi lên sự mạnh mẽ lạ thường của "*Quân đi điệp điệp trùng trùng*" (Tố Hữu), của "*tam quân tì hổ khí thôn ngưu*" (ba quân mạnh như hổ báo nuốt trôi trâu) (Phạm Ngũ Lão).

- Dữ oai hùm là khí phách, tinh thần của đoàn quân ấy, như mang oai linh của chúa sơn lâm rừng thẳm.

- Mắt trùng là chi tiết cực tả sự giận dữ, phẫn nộ, sôi sục hướng về nhiệm vụ chiến đấu.

→ Thủ pháp đối lập được sử dụng đặc địa trong việc khắc hoạ sự tương phản giữa ngoại hình ốm yếu và nội tâm mãnh liệt, dữ dội,

ngang tàng.

c/ Thế giới tâm hồn đầy mộng mơ thể hiện qua nỗi nhớ (lãng mạn):

Mắt trông gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

- Những người lính Tây Tiến không phải là những người khổng lồ không tim, bên trong cái vẻ oai hùng, dữ dằn của họ là những tâm hồn, những trái tim rạo rực, khát khao yêu đương “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”. Dáng kiều thơm gợi vẻ đẹp yêu kiều, thướt tha thanh lịch của người thiếu nữ Hà thành, là cái đẹp hội tụ sắc nước hương trời. Những giấc mơ mang hình dáng kiều thơm đã trở thành động lực để giúp người lính vượt qua mọi khó khăn, gian khổ; đã thúc giục họ tiến lên phía trước; và cũng là sợi dây thiêng liêng của niềm tin mang họ vượt qua bom đạn trở về.

d/ Lí tưởng, khát vọng:

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

- Câu thơ thứ nhất nếu tách ra khỏi đoạn thơ sẽ là một bức tranh hết sức ảm đạm:

+ Rải rác đây đó nơi biên cương của Tổ quốc, nơi rừng hoang lạnh lẽo xa xôi là những nấm mồ vô danh không một vòng hoa, không một nén hương tưởng niệm. Hai chữ “rải rác” gợi vẻ hiu hắt, quạnh quẽ thật ảm đạm và thê lương.

+ Trong một câu thơ mà tác giả sử dụng tới hai từ Hán Việt biên cương, viễn xứ mang màu sắc trang trọng cổ kính như để bao bọc cho những nấm mồ xa xứ ấy một bầu không khí thiêng liêng đượm vẻ ngậm ngùi, thành kính

- Mặc dù khung cảnh ấy hàng ngày vẫn trải ra trên các cung đường hành quân của người lính Tây Tiến nhưng nó không đủ sức làm các anh nản chí sờn lòng, mà trái lại càng nung nấu quyết tâm “Chiến

trường đi chẳng tiếc đời xanh”

+ Đời xanh là tuổi trẻ, là bao mơ ước, khát vọng đang ở phía trước. Nhưng không gì quý hơn Tổ quốc, không có tình yêu nào cao hơn tình yêu Tổ quốc. Nên hai chữ “chẳng tiếc” vang lên thật quyết liệt, dứt khoát như một lời thề chém đả.

d/ Đoạn thơ khép lại bằng sự hi sinh của họ:

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

- Trong bài thơ, Quang Dũng không hề né tránh hiện thực khắc nghiệt, dữ dội. Trong chặng đường hành quân, nhiều người lính không thể vượt qua đã gục lên súng mũ bỏ quên đời. Dọc đường Tây Tiến cũng là vô vàn những nấm mồ liệt sĩ mọc lên “Rải rác biên cương mồ viễn xứ”... Và bây giờ, một lần nữa tác giả nhắc đến sự ra đi của họ “Áo bào thay chiếu anh về đất”. Người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả mảnh chiếu để che thân, đồng đội phải đan cho họ những tấm nứa, tấm tranh...

- Thế nhưng tác giả đã cố gắng làm giảm đi tính chất bi thương của những mất mát:

+ Áo bào (áo mặc ngoài của các vị tướng thời xưa) đã khiến họ trở thành những chiến tướng sang trọng:

Áo chàng đỏ tựa ráng pha

Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in

+ Về đất là cách nói giảm nói tránh, cái chết lại là sự tự nghĩa của những người anh hùng, thanh thản và vô tư sau khi đã làm tròn nhiệm vụ (liên hệ câu thơ của Tố Hữu: Thanh thản chết như cày xong thửa ruộng...)

+ Sông Mã gầm lên khúc độc hành vừa dữ dội vừa hào hùng, khiến cái chết, sự hi sinh của người lính Tây Tiến không bi lụy mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. Sông Mã tấu lên bản nhạc dữ dội của núi rừng như loạt đại bác đưa tiễn những anh hùng của dân tộc về nơi

vĩnh hằng.

e/ Bút pháp lãng mạn và màu sắc bi tráng:

- Bút pháp lãng mạn ưa khám phá những vẻ đẹp dữ dội, phi thường, hay sử dụng thủ pháp đối lập mạnh mẽ. Bút pháp này chủ yếu được bộc lộ qua bốn câu thơ đầu. Tác giả nhiều lần viết về cái bi, sự mất mát, song buồn mà không uỷ mị, cúi đầu, mất mát mà vẫn cứng cỏi, gân guốc.

- Màu sắc bi tráng chủ yếu được thể hiện trong 4 câu thơ còn lại. Cái bi hiện ra qua hình ảnh những năm mồ hoang lạnh dọc đường hành quân, người chiến sĩ hi sinh chỉ có manh chiếu tạm. Nhưng cái tráng của lí tưởng khát vọng cống hiến đời xanh cho Tổ quốc, của áo bào thay chiếu, của điệu kèn thiên nhiên gầm lên dữ dội đã nâng đỡ hình ảnh thơ và truyền cảm xúc bi tráng vào lòng người

• Tổng kết